

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 7480 Ngày: 11/10/2016 Chuyên: KT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BGTVT-BKHĐT ngày 17/01/2012 của liên Bộ Giao thông Vận tải - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung, trình tự lập quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Thực hiện Thông báo Kết luận số 177/TB/TU ngày 17/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 73/TTr-SGTVT ngày 12/9/2016 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (kèm theo Báo cáo số 245/BC-STP ngày 09/9/2016 của Sở Tư pháp),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Quan điểm phát triển:

1. Phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải của quốc gia và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Tây Nguyên.

2. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ một cách đồng bộ trên cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực, lợi thế của tỉnh, đặc biệt chú trọng đến các tuyến đường kết nối với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Tây Nguyên.

3. Phát triển vận tải theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến; chú trọng phát triển vận tải hành khách công cộng theo hướng hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường.

4. Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư bằng các hình thức ODA, FDI, PPP... đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải.

5. Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và đảm bảo hành lang an toàn giao thông. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Mục tiêu chung

- Phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm phát huy lợi thế về vị trí địa lý của tỉnh là giao điểm quan trọng nối liền các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải Miền Trung, Đông Nam Bộ Việt Nam với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan trong hành lang kinh tế Đông – Tây;

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hợp lý, liên thông với mạng lưới giao thông vùng, quốc gia và quốc tế. Đa dạng các loại hình vận tải và phương tiện vận tải nhằm thỏa mãn nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách với chất lượng ngày càng cao.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Giai đoạn đến năm 2025:

a. Về vận tải:

- Khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt khoảng 21,8 triệu tấn/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân 10,9%/năm;

- Khối lượng vận chuyển hành khách đạt khoảng 24,9 triệu HK/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân 12,34%/năm.

b. Về kết cấu hạ tầng đường bộ:

- Đường cao tốc: Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bờ Y - Ngọc Hồi - Plei Ku.

- Quốc lộ: Đẩy nhanh quá trình đầu tư nâng cấp, mở rộng các quốc lộ qua địa bàn tỉnh như đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 24, Quốc lộ 14C, Quốc lộ 40, Quốc lộ 40B theo kế hoạch của Bộ Giao thông Vận tải; đầu tư xây dựng tuyến tránh đường Hồ Chí Minh đoạn qua thành phố Kon Tum và các thị trấn Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei.

- Đường tỉnh: Tập trung đầu tư, nâng cấp nhằm đưa hệ thống đường tỉnh vào cấp kỹ thuật, nâng cấp tất cả các tuyến đường đạt tối thiểu cấp IV miền núi. Nâng

cấp một số tuyến đường lên đường tỉnh, xây dựng mới một số tuyến đường tỉnh có tính chất đặc biệt quan trọng, có tính kết nối và có nhu cầu vận tải cao.

- Đường đô thị: Tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới mạng lưới giao thông của thành phố Kon Tum và các thị trấn huyện theo Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

- Đường giao thông nông thôn: Duy tu bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn hiện có, xây dựng mới các tuyến đường giao thông nông thôn đảm bảo tỷ lệ cứng hóa mặt đường đạt từ 60-70%, riêng các tuyến đường đến trung tâm các xã đạt 100%.

- Hệ thống cầu, cống: trên các quốc lộ và tỉnh lộ được xây dựng vĩnh cửu 100% phù hợp theo cấp đường, tải trọng thiết kế tối thiểu đạt tiêu chuẩn HL93; trên các tuyến đường huyện, đường xã được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường, tải trọng thiết kế theo tiêu chuẩn 22TCN-272-05.

- Bến, bãi đỗ xe, điểm đỗ xe: Nâng cấp, tăng năng lực phục vụ với các bến xe hiện có; xây dựng mới các bến xe khách ở ngoài khu vực đô thị trung tâm của thành phố Kon Tum, các bến xe tại trung tâm các huyện; bố trí các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe tại khu vực thành phố Kon Tum và trung tâm thị trấn các huyện.

c. Về kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

- Tập trung cải tạo, nâng cấp đảm bảo an toàn các luồng tuyến đường thủy nội địa chính; thanh thải chướng ngại vật trên hồ Yaly, đầu tư hệ thống phao tiêu, báo hiệu chỉ dẫn luồng trên hồ Yaly, Plei Krông, ĐăkĐrinh, sông Đăk Bla...

- Phát triển phương tiện thủy nội địa theo hướng cơ cấu hợp lý phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên, đặc điểm sông, lòng hồ và lưu lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp và xây dựng mới một số bến thủy nội địa chính đảm bảo mục tiêu phục vụ của bến là phục vụ dân sinh, kết hợp phục vụ giao thông công cộng: Bến du lịch Plei Weh, Đăk Bla, bến làng Chờ, bến Kon Gung, Đăk Rơ Wa, Kon Ktu...

d. Về kết cấu hạ tầng đường hàng không: Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng sân bay Kon Tum và xây dựng bay taxi Măng Đen theo Quy hoạch đã được phê duyệt.

2.2. Định hướng đến năm 2035:

- Cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, tiếp tục xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch tạo sự đồng bộ, liên thông với mạng lưới giao thông vận tải của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Đáp ứng được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn.

III. Nội dung Quy hoạch:

1. Quy hoạch phát triển vận tải:

a. Quy hoạch phát triển các trục vận tải:

- Quy hoạch các trục dọc (03 trục):

+ Trục dọc 1: Đường Hồ Chí Minh (từ ranh giới tỉnh Quảng Nam đi qua địa bàn các huyện: ĐăkGlei, Ngọc Hồi) - Quốc lộ 14C (qua huyện Ia H'Drai) - đi tỉnh Gia Lai.

+ Trục dọc 2: Quốc lộ 40B (từ ranh giới tỉnh Quảng Nam đi qua các huyện: Tu Mơ Rông và Đăk Tô) - Đường Hồ Chí Minh (qua thị trấn Đăk Hà, thành phố Kon Tum) - đi tỉnh Gia Lai.

+ Trục dọc 3: Ranh giới tỉnh Quảng Ngãi (huyện Sơn Tây) - Quốc lộ 24D (qua huyện Kon Plong) - Quốc lộ 24 (qua huyện Kon Rẫy, thành phố Kon Tum) - Đường Hồ Chí Minh - đi tỉnh Gia Lai.

- Quy hoạch các trục ngang (03 trục):

+ Trục ngang 1: Cửa khẩu phụ Đăk Blô (đi Lào) - ĐT 673 (qua huyện Đăk Glei) - đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh (qua huyện Tu Mơ Rông, Kon Plong) - Quốc lộ 24- đi tỉnh Quảng Ngãi.

+ Trục ngang 2: Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y (đi Lào, Campuchia) - Quốc lộ 40 (qua thị trấn Plei Kần, Ngọc Hồi) - Đường Hồ Chí Minh (qua thị trấn Đăk Tô) - Đường Đăk Kôi - Đăk Pxi (qua huyện Đăk Hà, Kon Rẫy) - Quốc lộ 24 - đi tỉnh Gia Lai hoặc Quảng Ngãi.

+ Trục ngang 3: Cửa khẩu phụ Hồ Đá - Quốc lộ 24E - Quốc lộ 24 (hoặc Quốc lộ 24D) - đi tỉnh Quảng Ngãi.

b. Quy hoạch phát triển vận tải:

- Vận tải đường bộ:

+ Vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh: Đến năm 2020 quy hoạch 142 tuyến; gồm 95 tuyến theo Quy hoạch của Bộ Giao thông Vận tải (tại Quyết định 2288/QĐ-BGTVT ngày 26/6/2015), đồng thời quy hoạch bổ sung 47 tuyến (Chi tiết tại Phụ lục 1).

+ Vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh: Đến năm 2020 quy hoạch 20 tuyến; bao gồm duy 04 tuyến vận tải hành khách nội tỉnh đang khai thác, mở mới một số tuyến vận tải đến các bến xe khách được quy hoạch tại trung tâm các huyện (Chi tiết tại Phụ lục 2).

+ Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Đến năm 2020 quy hoạch 06 tuyến, đến năm 2025 quy hoạch 12 tuyến, định hướng đến năm 2035 quy hoạch 16 tuyến (Chi tiết tại Phụ lục 3).

+ Vận tải hành khách bằng xe taxi: Đến năm 2020 số phương tiện taxi khoảng 380 xe, đến năm 2025 khoảng 665 xe, định hướng đến năm 2030 khoảng 1.330 xe.

- Vận tải đường thủy nội địa: Cải tạo, nâng cấp các luồng tuyến vận tải đạt cấp VI và phát huy hiệu quả các phương tiện vận tải hàng hóa, hành khách trên lòng hồ thủy điện Yaly, sông ĐăkBlá, hồ thủy điện Đăk Đrinh, hồ Sê San 4, hồ thủy điện thượng Kon Tum.

2. Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông:

a. Kết cấu hạ tầng đường bộ:

- Đường cao tốc: Quy hoạch 01 tuyến cao tốc có điểm đầu tại Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Ngọc Hồi và điểm cuối tại ranh giới với tỉnh Gia Lai, hướng tuyến đi về phía Tây đường Hồ Chí Minh với chiều dài 121 km. Quy hoạch đầu tư xây dựng tuyến trong giai đoạn đến năm 2020 với quy mô đạt tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 80-100km, quy mô 4-6 làn xe.

- Tuyến quốc lộ: Đến năm 2020 hoàn thành cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới 08 đoạn tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh gồm: đường Hồ Chí Minh (dài 155km), tuyến tránh đường Hồ Chí Minh đoạn qua TP. Kon Tum (dài 23,2km); QL40 (dài 7.63km); QL40B (dài 97,636 km); QL14C (dài 106,8 km); QL24 (dài 179.91km); QL24D (dài 65 km), QL24E (dài 107,1 km); QL24D (dài 34.41 km) với kết cấu BTN hoặc BTXM (chi tiết tại Phụ lục 4).

- Các tuyến đường tỉnh: Gồm 11 tuyến (chi tiết tại Phụ lục 5).

+ Giai đoạn 2016-2020: Nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV-V miền núi, kết cấu BTN hoặc BTXM, tổng chiều dài 538,53 km; trong đó nâng cấp 168,99 km, xây dựng mới 191,25 km, giữ cấp 178,29 km.

+ Giai đoạn 2021-2025: Nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi, một số tuyến quan trọng đạt cấp III miền núi, tổng chiều dài 610,53 km; trong đó nâng cấp 387,69 km, xây dựng mới 72 km, giữ cấp 150,84 km.

+ Định hướng đến năm 2035: Tiếp tục nâng cấp các tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV-III miền núi, một số đoạn tuyến đạt cấp II.

- Giao thông nông thôn:

+ Các tuyến đường huyện: Quy hoạch 81 tuyến đường huyện, tổng chiều dài 1.222,34 km với kết cấu mặt đường BTN, láng nhựa hoặc BTXM (chi tiết tại Phụ lục 6).

+ Đường xã, thôn, nội đồng: Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường xã đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại A; đường thôn, xóm, nội đồng tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại B với kết cấu mặt đường láng nhựa hoặc BTXM.

- Bến, bãi đỗ xe đường bộ: Quy hoạch 12 bến xe khách và 03 bến xe hàng (chi tiết tại Phụ lục 7).

- Hệ thống đường gom quốc lộ: Thực hiện theo Quy hoạch hệ thống đường gom các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã được phê duyệt (tại Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 8/11/2010 của UBND tỉnh) với tổng chiều dài khoảng 121,65km; trong đó, đường gom của đường Hồ Chí Minh dài khoảng 61,56km, đường gom của đường Quốc lộ 24 dài khoảng 32,53km và đường gom của đường Quốc lộ 14C dài khoảng 27,56km.

- Hệ thống đầu nối quốc lộ: Thực hiện theo Quy hoạch các điểm đầu nối vào các Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã được phê duyệt (tại Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh) là 267 vị trí; trong đó, 241 vị trí đầu nối đường ngang, 16 vị trí đầu nối mới cửa hàng xăng dầu và 11 vị trí đầu nối cửa hàng xăng dầu đã thỏa thuận.

- Hệ thống các trạm dừng nghỉ: Xây dựng 08 trạm dừng nghỉ trên địa bàn tỉnh; trong đó, 05 trạm trên đường Hồ Chí Minh (*trạm Đăk Man, trạm Đăk Môn, trạm Tân Cảnh, trạm Đăk Uy và trạm Đồi Sao Mai*), 01 trạm trên Quốc lộ 24 (*trạm Kon Plong*) và 02 trạm trên Quốc lộ 14C (*trạm Sa Thầy và trạm Ia H'Drai*).

- Hệ thống cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ: Quy hoạch 12 cơ sở đào tạo; 02 trung tâm sát hạch lái xe (*Chi tiết tại Phụ lục 8*).

- Hệ thống trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ: Quy hoạch 02 trung tâm đăng kiểm tại thành phố Kon Tum, huyện Ngọc Hồi.

b. Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển đường thủy nội địa tỉnh Kon Tum đến năm 2020 đã được phê duyệt (*tại Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 29/12/2011, Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và đề nghị của các địa phương*), cụ thể:

- Luồng tuyến vận tải đường thủy nội địa: Cải tạo, nâng cấp các luồng tuyến vận tải đường thủy nội địa đạt cấp VI và đưa vào quản lý, khai thác trên sông ĐăkBlá và lòng hồ các thủy điện: Yaly, Đăk Đrinh, Sê San 4, Thượng Kon Tum, Plei Krông.

- Bến thủy nội địa: Đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp 26 bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh (*04 bến loại 2 và 22 bến loại 1*); trong đó, xây dựng mới 01 bến loại 1, 07 bến loại 2 và cải tạo, sửa chữa 3 bến loại 2, 15 bến loại 1.

c. Kết cấu hạ tầng đường hàng không:

- Trong giai đoạn từ năm 2021-2025, huy động nguồn lực thực hiện đầu tư xây dựng sân bay Kon Tum theo quy hoạch đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2011.

- Tăng cường công tác kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng sân bay Taxi Măng Đen, huyện Kon Plông theo quy hoạch đã được phê duyệt và quy hoạch sân bay Phụng Hoàng, xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô thành sân bay Taxi theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 35/TB-VPCP ngày 05/02/2009 của Văn phòng Chính phủ.

3. Nhu cầu quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Nhu cầu quỹ đất dành cho phát triển giao thông vận tải đến năm 2025 là 8.149,06 ha, đến năm 2035 là 8.829,49 ha.

4. Nhu cầu vốn đầu tư và danh mục dự án ưu tiên đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2035 ước khoảng 99.941 tỷ đồng. Trong đó:

- Giai đoạn 2016-2020: Nhu cầu vốn ước khoảng 47.881 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách địa phương 8.746 tỷ đồng, vốn ngân sách Trung ương 9.111 tỷ đồng và vốn xã hội hóa, vay tín dụng 30.024 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021-2025: Nhu cầu vốn ước khoảng 21.639 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách địa phương 9.414 tỷ đồng, vốn ngân sách Trung ương 6.067 tỷ đồng và vốn xã hội hóa, vay tín dụng 6.158 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026-2035: Nhu cầu vốn ước khoảng 30.421 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách địa phương 13.103 tỷ đồng, vốn ngân sách trung ương 8.489 tỷ đồng và vốn xã hội hóa, vay tín dụng 8.828 tỷ đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn như sau: Vốn ngân sách địa phương là 31.263 tỷ đồng (chiếm 31,28%), vốn ngân sách Trung ương là 23.667 tỷ đồng (chiếm 23,68%) và vốn xã hội hóa, vay tín dụng 45.010 tỷ đồng (chiếm 45,04%).

Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Tổng nhu cầu vốn dành cho các dự án ưu tiên đầu tư ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 là 16.764,8 tỷ đồng. Trong đó, dự án Trung ương quản lý đầu tư là 11.260 tỷ đồng, dự án do địa phương quản lý đầu tư là 5.590,8 tỷ đồng (Chi tiết tại Phụ lục 10).

5. Các giải pháp thực hiện:

a. Phát triển giao thông vận tải theo quy hoạch, kế hoạch:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch cụ thể cho các công trình giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, đặc biệt các tuyến quốc lộ đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch.

- Tổ chức thẩm định an toàn giao thông đối với tất cả các công trình nâng cấp và xây dựng mới theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

- Xác định và cắm mốc lộ giới, dành quỹ đất để mở rộng, nâng cấp các công trình giao thông, giảm thiểu chi phí đền bù và hạn chế phát sinh các vấn đề có liên quan đến giải phóng mặt bằng.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng quỹ đất dành cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; kiên quyết xử lý đối với các trường hợp vi phạm và thu hồi quỹ đất nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng heo đúng quy hoạch.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các vùng trong tỉnh, giữa tỉnh Kon Tum với các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh duyên hải Miền Trung... nhằm đảm bảo việc liên kết, kết nối các cơ sở hạ tầng giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Kon Tum theo hướng bền vững.

b. Giải pháp thu hút và quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển giao thông vận tải:

- Việc triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh phải thực hiện theo đúng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông vận tải được Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải và UBND tỉnh phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chất lượng công trình; phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với các dự án công trình giao thông.

- Đa dạng hóa việc huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, từ các thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức khác nhau như: BOT, BT, PPP, ODA.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách để đầu tư một số công trình cấp bách như cải tạo, nâng cấp hệ thống cầu và các công trình gia cố bền vững chống sạt lở.

- Ưu tiên đầu tư một số dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm, đặc biệt là các công trình lớn, có sức lan tỏa, tạo đột phá và có tính kết nối cao.

- Tăng cường huy động nguồn lực từ khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, cho thuê quyền khai thác và chuyển nhượng có thời hạn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Ban hành chính sách ưu đãi về trợ giá, lãi vay ngân hàng trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đặc biệt ưu tiên đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường.

c. Giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông:

- Kiện toàn tổ chức quản lý công tác an toàn giao thông từ tỉnh đến địa phương hướng tới đảm bảo trật tự an toàn giao thông một cách bền vững; phân cấp mạnh mẽ cho các địa phương về công tác quản lý, công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông.

- Nâng cao chất lượng việc tổ chức giao thông, phân luồng, phân làn giao thông; đặc biệt chú trọng việc bố trí các hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

- Tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc đầu tư phát triển giao thông vận tải và việc nâng cao ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ

- Nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý người điều khiển phương tiện vận tải; chất lượng kiểm định phương tiện cơ giới; công tác cứu hộ, cứu nạn để giảm thiểu thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải đảm bảo quỹ đất dành cho hành lang an toàn giao thông; các dự án phải được thẩm định về an toàn giao thông và tiến tới xóa các điểm đen về tai nạn giao thông.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thống kê, báo cáo thường xuyên đối với giao thông đường thủy nội địa, các bến thủy nội địa, bến khách ngang sông phải có giấy phép hoạt động và các phương tiện đường thủy phải được đăng ký, đăng kiểm theo định kỳ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

d. Giải pháp ứng dụng khoa học - công nghệ trong giao thông vận tải:

- Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, khai thác và bảo trì công trình giao thông; cập nhật, ứng dụng công nghệ thi công mới, nhất là đối với các công trình trong đô thị; sử dụng vật liệu mới, công nghệ mới trong thiết kế và thi công công trình giao thông nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tín hiệu trong quản lý điều hành giao thông.

e. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực giao thông vận tải:

- Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân lực quản lý, khai thác, bảo trì, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhân lực vận tải; đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ mới, hiện đại trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Xây dựng mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực giao thông vận tải với các doanh nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo.

- Phối hợp tổ chức các khóa đào tạo dài hạn, trung hạn, ngắn hạn trong lĩnh vực giao thông vận tải tại nước ngoài theo các phương thức hợp tác quốc tế và các hình thức đào tạo khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai công bố và quản lý, thực hiện Quy hoạch theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện cần rà soát, kiểm tra và đánh giá để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển của từng giai đoạn quy hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và các ngành liên quan xác định nguồn vốn đầu tư, xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp để quy hoạch được triển khai thực hiện đồng bộ và đảm bảo tiến độ đề ra.

3. UBND các huyện, thành phố căn cứ cấp đường của các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý theo quy hoạch được duyệt, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác quản lý hành lang an toàn và quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

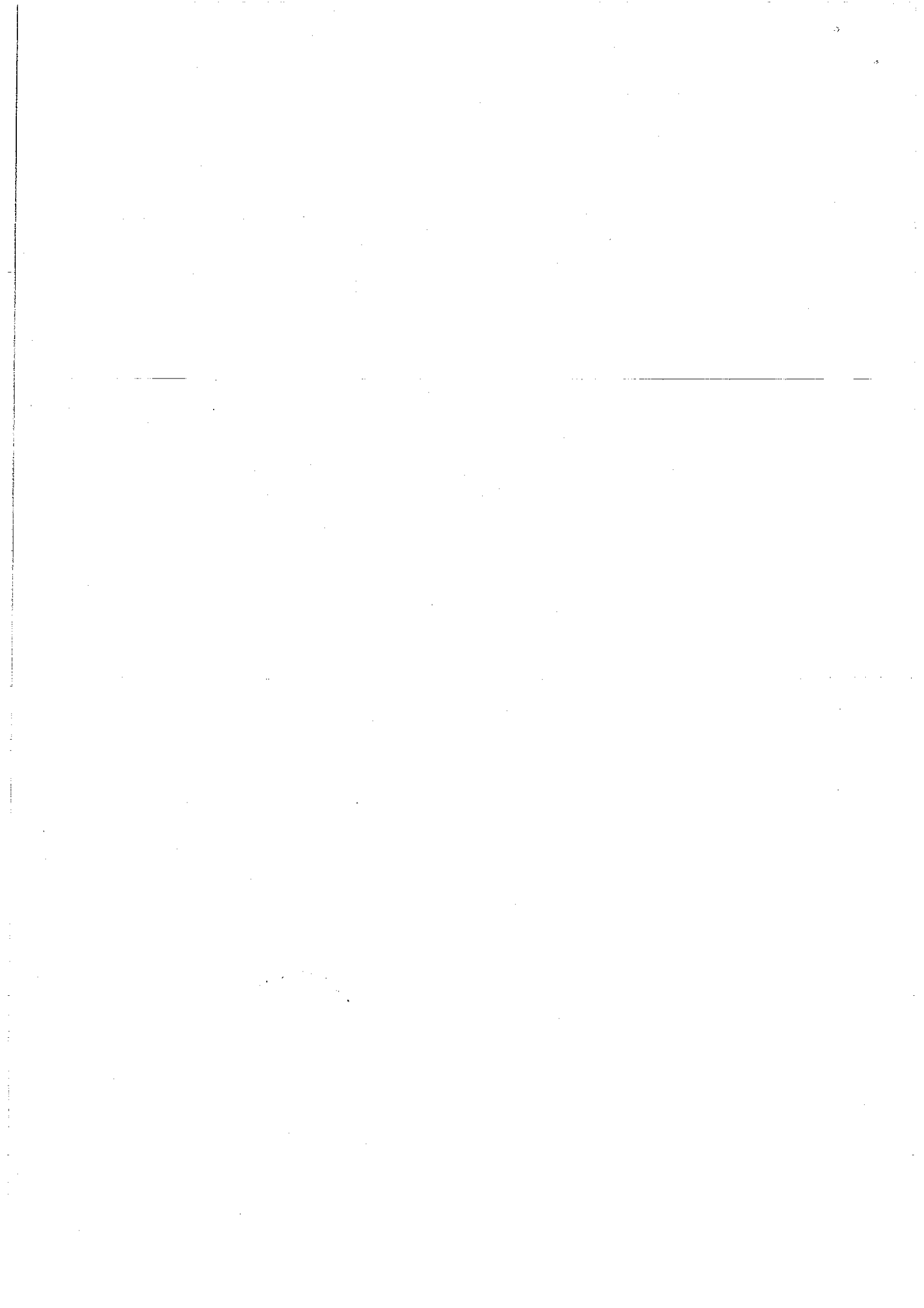
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PCVP_{HTKT});
- Lưu: VT, HTKT2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuy



Phụ lục 3: Quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt
(Kèm theo Quyết định số **176/2016/QĐ-UBND** ngày **07 tháng 10** năm **2016** của **UBND tỉnh**)

STT	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều dài	Giai đoạn vận hành		
				2016-2020	2021-2025	2026-2035
01	Kon Tum - Gia Lai	TP Kon Tum-QL14-TP PleiKu	45	x	x	x
02	TP Kon Tum - CKQT Bờ Y	TP Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Thị trấn Pleikán - CKQT Bờ Y	80	x	x	x
03	TP Kon Tum - Kon Plong	TP Kon Tum - QL24- Thị trấn ĐăkRve - Trung tâm huyện Kon Plong	54	x	x	x
04	TP Kon Tum - Sa Thầy	TP Kon Tum - ĐT675- Thị trấn Sa Thầy - QL14C (làng Gráp)	50	x	x	x
05	Ngọc Hồi - Đăk Glei - Quảng Nam	Thị trấn Pleikán - đường Hồ Chí Minh - Thị trấn Đăk Glei-Quảng Nam	50	x	x	x
06	Ngọc Hồi - Tu Mơ Rông	Thị trấn Pleikán - đường Hồ Chí Minh - Thị trấn ĐăkTô - QL40B - Trung tâm huyện Tu MơRông	30	x	x	x
07	Vòng tròn nội đô 1	BX phía Bắc Kon Tum - Các tuyến đường Trung Tâm thành phố - BX phía Bắc Kon Tum	30		x	x
08	Vòng tròn nội đô 2	BX phía Nam Kon Tum - Các tuyến đường Trung Tâm thành phố - BX phía Nam Kon Tum	30		x	x
09	Vòng tròn nội đô 3	BX phía Đông Kon Tum - Các tuyến đường Trung Tâm thành phố - BX phía Đông Kon Tum	330		x	x
10	Vòng tròn nội đô 4	BX phía Bắc Kon Tum - đường HCM - Quốc lộ 24 - BX phía Đông Kon Tum - Các tuyến đường Trung Tâm thành phố - BX phía Nam Kon Tum	330		x	x
11	Ngọc Hồi - Ia H'Drai	Thị trấn Pleikán - QL14C - Trung tâm huyện Ia H'Drai	48		x	x
12	Đăk Glei - Tu Mơ Rông	Thị trấn Đăk Glei - đường HCM - ĐT 673 - ĐT 672 - QL40B - Trung tâm huyện Tu Mơ Rông	70			x
13	Tu Mơ Rông - Kon Plong - Quảng Ngãi	Trung tâm huyện Tu Mơ Rông - ĐT 672 - ĐT 676 - Trung tâm huyện Kon Plong - Quảng Ngãi	70			x



STT	Tên tuyến	Lộ trình tuyến	Chiều n đài	Giai đoạn vận hành		
				2016-2020	2021-2025	2026-2035
14	Kon Rẫy - Đắk Tô	Thị trấn ĐắkRve - ĐT 677 - đường HCM - thị trấn Đắk Tô	71		x	x
15	TP. Kon Tum - thị trấn MoRai	BX phía Nam Kon Tum - đường HCM - ĐT 671 - ĐT 675A - thị trấn MoRai	80		x	x
16	Huyện Ia H'Drai - Gia Lai	Trung tâm huyện Ia H'Drai - QL14C - TP Pleiku, Gia Lai	75		x	x
	Tổng		742	6	12	14

Phụ lục 1: Quy hoạch các tuyến vận tải hành khách liên tỉnh đến năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 176/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đùng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến				
1	1782.1111.A	Thái Bình	Kon Tum	Trung tâm TP. Thái Bình	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - QL14B - Đà Nẵng - QL1A - QL10 - QL39 - BX TP Thái Bình và ngược lại	1.033	30	Quy hoạch mới
2	1782.2011.A	Thái Bình	Kon Tum	Hưng Hà	Kon Tum	BX khách Kon Tum - Đ. HCM - QL14B - Đà Nẵng - QL1A - QL10 - QL39 - BX Hưng Hà và ngược lại	1.150	30	Tuyến đang khai thác
3	2082.1112.A	Thái Nguyên	Kon Tum	Thái Nguyên	Đắk Hà	BX khách huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 3 - BX Thái Nguyên và ngược lại	1.150	30	Tuyến đang khai thác
4	2082.1111.A	Thái Nguyên	Kon Tum	Thái Nguyên	Kon Tum	BX Thái Nguyên - QL3 - QL1A - Đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.	1.100	30	Tuyến quy hoạch mới
5	2082.1211.A	Thái Nguyên	Kon Tum	Đại Từ	Kon Tum	BX Đại Từ - QL3 - QL1A - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	1130	30	Tuyến quy hoạch mới
6	2882.0113.A	Hòa Bình	Kon Tum	Trung tâm Hoà Bình	Ngọc Hồi	BX khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Đà Nẵng - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 6 - BX Hòa Bình và ngược lại	1.450	15	Tuyến đang khai thác
7	2982.1111.A	Hà Nội	Kon Tum	Giáp Bát	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1 - TP Vinh - Quốc lộ 48 - Yên Lý - Thịnh Mỹ - Thái Hòa - đường Hồ Chí Minh - Xuân Mai - Hòa Lạc - Đại lộ Thăng Long - BX Giáp Bát và ngược lại	1.110	30	Tạm ngừng khai thác
8	2982.1511.A	Hà Nội	Kon Tum	Nước Ngâm	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - TP Vinh - Quốc lộ 48 - Yên Lý - Thịnh Mỹ - Thái Hòa - đường Hồ Chí Minh - Xuân Mai - Hòa Lạc - Đại lộ Thăng Long - BX Nước Ngâm và ngược lại	1.110	60	Tuyến đang khai thác
9	3482.1111.A	Hải Dương	Kon Tum	Hải Dương	Kon Tum	BX Hải Dương - QL5 - QL1A - đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại	1.165	30	Tuyến đang khai thác
10	3482.1112.A	Hải Dương	Kon Tum	Hải Dương	Đắk Hà	BX Hải Dương - QL5 - QL1A - đường Hồ Chí Minh	1.165	60	Tuyến đang khai thác

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh					Hành trình chạy xe chính (đứng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến	BX nội đi/đến				
11	3482.1311.A	Hải Dương	Kon Tum	Ninh Giang	Kon Tum	BX: Ninh Giang - QL5 - QL1A - đường Hồ Chí Minh - BX. Kon Tum và ngược lại	1.12	60	Tuyến quy hoạch mới	
12	3482.1312.A	Hải Dương	Kon Tum	Ninh Giang	Đắk Hà	BX: Ninh Giang - QL5 - QL1A - đường Hồ Chí Minh - BX. Đắk Hà và ngược lại	1.16	60	Tuyến quy hoạch mới	
13	3582.1211.A	Ninh Bình	Kon Tum	Kim Sơn	Kon Tum	BX khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 10 - BX Kim Sơn và ngược lại	990	15	Tuyến đang tạm ngừng khai thác	
14	35821111A	Ninh Bình	Kon Tum	Ninh Bình	Kon Tum	BX Ninh Bình - QL1 - QL14B - đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum	960	30	Tuyến quy hoạch mới	
15	35821611A	Ninh Bình	Kon Tum	Kim Đông	Kon Tum	BX Kim Đông - QL10 - QL1 - QL14B - đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum	1.000	30	Tuyến quy hoạch mới	
16	35821511A	Ninh Bình	Kon Tum	Khánh Thành	Kon Tum	BX Khánh Thành - QL10 - QL1 - QL14B - BX khách Kon Tum	990	30	Tuyến quy hoạch mới	
17	35821311A	Ninh Bình	Kon Tum	Nho Quan	Kon Tum	BX Nho Quan - QL1 - QL14B - đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum	990	30	Tuyến quy hoạch mới	
18	35821811A	Ninh Bình	Kon Tum	Lai Thành	Kon Tum	BX Lai Thành - QL1 - QL14B - đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum	990	30	Tuyến quy hoạch mới	
19	35821611A	Kon Tum	Ninh Bình	BX khách KonTum	BX TT Bình Minh	BX khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - Hầm Đèo Hải Vân - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 10 - BX TT Bình Minh	1.000	60	Tuyến quy hoạch mới	
20	35821612A	Kon Tum	Ninh Bình	BX khách huyện Đăk Hà	BX TT Bình Minh	BX khách huyện Đăk Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - Hầm Đèo Hải Vân - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 10 - BX TT Bình Minh	970	60	Tuyến quy hoạch mới	
21	3682.1411.A	Thanh Hóa	Kon Tum	Ngọc Lặc	Kon Tum	BX Ngọc Lặc - Đường HCM - QL1 - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum.	998	30	Tuyến quy hoạch mới	
22	3882.1111.A	Hà Tĩnh	Kon Tum	Hà Tĩnh	Kon Tum	BX Hà Tĩnh - QL1A - QL14B - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum	730	30	Tuyến quy hoạch mới	
23	3882.5311.A	Hà Tĩnh	Kon Tum	Kỳ Lâm	Kon Tum	BX Kỳ Lâm - QL12C - QL1 - QL14B - đường Hồ Chí Minh	730	60	Tuyến quy hoạch mới	

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đứng cho cả 2 chiều đi và ngược lại ⇔)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bên / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đến/đi				
						Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.		mới	
24	4382.1111.A	Đà Nẵng	Kon Tum	Trung tâm Đà Nẵng	Kon Tum	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Trường Chinh - QL1A - QL14B - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum	310	600	Tuyến đang khai thác
25	4382.1111.B	Đà Nẵng	Kon Tum	Trung tâm Đà Nẵng	Kon Tum	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Trường Chinh - QL1A - Quốc Lộ 14E - Đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại	330	120	Tuyến đang khai thác
26	4382.1111.C	Đà Nẵng	Kon Tum	Trung tâm Đà Nẵng	Kon Tum	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Trường Chinh - QL1A - Quốc Lộ 24 - BX Kon Tum và ngược lại.	330	120	Tuyến đang khai thác
27	4382.1112.A	Đà Nẵng	Kon Tum	Trung tâm Đà Nẵng	Đăk Hà	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Trường Chinh - QL1A - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - BX khách huyện Đăk Hà và ngược lại.	280	120	Tuyến quy hoạch mới
28	4382.1113.A	Đà Nẵng	Kon Tum	Trung tâm Đà Nẵng	Ngọc Hồi	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Trường Chinh - QL1A - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - BX khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	250	120	Tuyến quy hoạch mới
29	4382.1117.A	Đà Nẵng	Kon Tum	Trung tâm Đà Nẵng	Sa Thầy	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Trường Chinh - QL1A - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - BX Sa Thầy và ngược lại.	340	60	Tuyến quy hoạch mới
30	4782.1111.A	Đăk Lăk	Kon Tum	Phía Bắc Buôn Ma Thuột	Kon Tum	BX Phía Bắc Buôn Ma Thuột - Đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	230	360	Tuyến đang khai thác
31	4782.1112.A	Đăk Lăk	Kon Tum	Phía Bắc Buôn Ma Thuột	Đăk Hà	BX Phía Bắc Buôn Ma Thuột - Đường Hồ Chí Minh - BX Đăk Hà và ngược lại.	260	120	Tuyến đang khai thác
32	4782.1113.A	Đăk Lăk	Kon Tum	Phía Bắc Buôn Ma Thuột	Ngọc Hồi	BX Phía Bắc Buôn Ma Thuột - Đường Hồ Chí Minh - BX Ngọc Hồi và ngược lại.	290	150	Tuyến đang khai thác
33	4782.1212.A	Đăk Lăk	Kon Tum	TP. Buôn Ma Thuột	Đăk Hà	BX TP. Buôn Ma Thuột - Đường Ngô Gia Tự - Đường Hồ Chí Minh - BX Đăk Hà và ngược lại.	259	90	Tuyến đang khai thác

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định hiện tình				Hành trình chạy xe chính (đùng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bên / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến				
34	4782.1311.A	Đắk Lắk	Kon Tum	Buôn Hồ	Kon Tum	BX Buôn Hồ - Đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	230	90	Tuyến đang khai thác
35	4782.1411.A	Đắk Lắk	Kon Tum	Ea Kar	Kon Tum	BX Ea Kar - QL26 - Đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	280	90	Tuyến đang khai thác
36	4782.1413.A	Đắk Lắk	Kon Tum	Ea Kar	Ngọc Hồi	BX Ea Kar - QL26 - Đường Hồ Chí Minh - BX Ngọc Hồi và ngược lại.	320	90	Tuyến đang khai thác
37	47821513A	Đắk Lắk	Kon Tum	Ngọc Hồi	Phước An	Bến xe khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - QL26 - Bến xe Phước An và ngược lại.	320	30	Tuyến quy hoạch mới
38	4982.1111.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Liên tỉnh Đà Lạt	Kon Tum	BX khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 27 - Quốc lộ 20 - BX Đà Lạt và ngược lại.	430	90	Tuyến đang khai thác
39	4982.1211.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Đức Long Bảo Lộc	Kon Tum	BX KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 27 - Quốc lộ 20 - BX Đức Long Bảo Lộc và ngược lại.	530	60	Tuyến đang khai thác
40	4982.1213.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Đức Long Bảo Lộc	Ngọc Hồi	BX Đức Long Bảo Lộc - QL20 - QL27 - Đường Hồ Chí Minh - BX Ngọc Hồi và ngược lại.	585	60	Tuyến quy hoạch mới
41	4982.1112.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Liên tỉnh Đà Lạt	Đắk Hà	BX LT Đà Lạt - QL27 - Đường Hồ Chí Minh - BX khách huyện Đắk Hà và ngược lại.	460	15	Tuyến quy hoạch mới
42	49821113.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Liên tỉnh Đà Lạt	Ngọc Hồi	Bến xe LT Đà Lạt - QL27 - đường Hồ Chí Minh - Bến xe Đắk Hà	490	30	Tuyến quy hoạch mới
43	5082.1111.A	TP. Hồ Chí Minh	Kon Tum	Miền Đông	Kon Tum	BX. Miền Đông - QL 13 - Đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	590	360	Tuyến đang khai thác
44	5082.1112.A	TP. Hồ Chí Minh	Kon Tum	Miền Đông	Đắk Hà	BX. Miền Đông - QL 13 - Đường Hồ Chí Minh - BX và ngược lại.	620	150	Tuyến đang khai thác
45	5082.1113.A	TP. Hồ Chí Minh	Kon Tum	Miền Đông	Ngọc Hồi	BX. Miền Đông - QL 13 - Đường Hồ Chí Minh - BX Ngọc Hồi và ngược lại.	650	180	Tuyến đang khai thác
46	5082.1411.A	TP. Hồ Chí Minh	Kon Tum	An Suong	Kon Tum	BX An Suong - đường Hồ Chí Minh - BX KonTum và ngược lại.	541	30	Tuyến quy hoạch mới
47	50821412.A	TP. Hồ Chí Minh	Kon Tum	An Suong	Ngọc Hồi	Bến xe An Suong - QL13 - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	600	60	Tuyến quy hoạch mới
48	50821412.A	TP. Hồ Chí Minh	Kon Tum	An Suong	Đắk Hà	Bến xe An Suong - QL13 - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Đắk Hà và ngược lại.	570	30	Tuyến quy hoạch mới
49	6082.1211.A	Đồng Nai	Kon Tum	Biên Hòa	Kon Tum	BX khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - ĐT741 -	615	60	Tuyến đang khai

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đứng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đến/đi				
								thác	
50	6082.1213.A	Đồng Nai	Kon Tum	Biên Hòa	Ngọc Hồi	ĐT 747 - ĐT 743 - đường Bùi Hữu Nghĩa - đường Nguyễn Ái Quốc - BX Biên Hòa và ngược lại. BX huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - ĐT 741 - ĐT 747 - ĐT 743 - đường Bùi Hữu Nghĩa - đường Nguyễn Ái Quốc - BX Biên Hòa và ngược lại.	706	60	Tuyến đang khai thác
51	6082.1212.A	Đồng Nai	Kon Tum	Biên Hòa	Đắk Hà	Bến xe khách huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - ĐT 741 - ĐT 747 - ĐT 743 - đường Bùi Hữu Nghĩa - đường Nguyễn Ái Quốc - Bến xe Biên Hòa và ngược lại.	706	60	Tuyến quy hoạch mới
52	7282.1811.A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kon Tum	Long Điền	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - ĐT 741 - ĐT 747 - ĐT 743 - đường Ven Biên - BX Long Điền và ngược lại.	700	60	Tuyến đang khai thác
53	7282.1812.A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kon Tum	Long Điền	Đắk Hà	Bến xe khách huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - ĐT 741 - ĐT 747 - ĐT 743 - Đường Ven Biên - Bến xe Long Điền và ngược lại.	730	45	Tuyến quy hoạch mới
54	7282.1813.A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kon Tum	Long Điền	Ngọc Hồi	Bến xe khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - ĐT 741 - ĐT 747 - ĐT 743 - Đường Ven Biên - Bến xe Long Điền và ngược lại.	760	45	Tuyến quy hoạch mới
55	82721318B	Kon Tum	Bà Rịa - Vũng Tàu	BX khách huyện Ngọc Hồi	Long Điền	Bến xe khách huyện Ngọc Hồi - Đường Hồ Chí Minh - ĐT 741 - ĐT 747 - ĐT 743 - Quốc lộ 1 - Quốc lộ 51 - đường Trương Chinh - ĐT 44 - Bến xe Long Điền	760	120	Tuyến quy hoạch mới
56	7582.1211.A	Thừa Thiên Huế	Kon Tum	Phía Nam Huế	Kon Tum	BX phía Nam Huế - QL1 - Ngã ba Hòa Cầm - QL14B - Đường HCM - BX Kon Tum và ngược lại.	450	180	Tuyến đang khai thác
57	75821212.A	Thừa Thiên Huế	Kon Tum	Phía Nam Huế	Đắk Hà	Bến xe phía Nam Huế - QL1 - Ngã ba Hòa Cầm - QL14B - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách Đắk Hà và ngược lại.	420	60	Tuyến quy hoạch mới
58	75821213.A	Thừa Thiên Huế	Kon Tum	Phía Nam Huế	Ngọc Hồi	Bến xe phía Nam Huế - QL1 - Ngã ba Hòa Cầm - QL14B - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện	390	60	Tuyến quy hoạch mới

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đùng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến				
					Ngọc Hồi và ngược lại.				
59	75821215.A	Thừa Thiên Huế	Kon Tum	Phía Nam Huế	KonPlông	Bến xe phía Nam Huế - QL1 - Ngã ba Hòa Cầm - QL14B - Đường HCM - Quốc lộ 24 - Bến xe khách huyện KonPlông và ngược lại.	510	60	Tuyến quy hoạch mới
60	75821217.A	Thừa Thiên Huế	Kon Tum	Phía Nam Huế	Sa Thầy	Bến xe phía Nam Huế - QL1 - Ngã ba Hòa Cầm - QL14B - Đường HCM - Tỉnh lộ 675 - Bến xe khách huyện Sa Thầy và ngược lại.	480	60	Tuyến quy hoạch mới
61	7682.1111.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Quảng Ngãi	Kon Tum	BX khách KonTum - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX TP Quảng Ngãi và ngược lại.	200	180	Tuyến đang khai thác
62	7682.1113.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Quảng Ngãi	Ngọc Hồi	BX huyện Ngọc Hồi - - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX TP Quảng Ngãi và ngược lại.	260	60	Tuyến đang khai thác
63	7682.1213.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Phía Bắc Quảng Ngãi	Ngọc Hồi	BX Bắc Quảng Ngãi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	270	60	Tuyến đang tạm ngưng khai thác.
64	7682.1112.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Quảng Ngãi	Đak Hà	BX huyện Đak Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX TP Quảng Ngãi và ngược lại.	210	30	Tuyến quy hoạch mới
65	7682.1115.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Quảng Ngãi	Kon Plông	BX huyện KonPlông - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX TP Quảng Ngãi và ngược lại.	180	30	Tuyến quy hoạch mới
66	7682.1117.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Quảng Ngãi	Sa Thầy	BX huyện Sa Thầy - TL 675 - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX TP Quảng Ngãi và ngược lại.	230	30	Tuyến quy hoạch mới
67	7682.1511.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Bình Sơn	Kon Tum	BX Bình Sơn - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX Kon Tum và ngược lại.	400	15	Tuyến quy hoạch mới
68	7682.1513.A	Quảng Ngãi	Kon Tum	Bình Sơn	Ngọc Hồi	BX Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX Bình Sơn và ngược lại.	400	15	Tuyến quy hoạch mới
69	82761111B	Kon Tum	Quảng Ngãi	BX khách KonTum	BX Quảng Ngãi	BX khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14E - Quốc lộ 1A - BX TP Quảng Ngãi và ngược lại.	360	180	Tuyến quy hoạch mới
70	82761111C	Kon Tum	Quảng Ngãi	BX khách KonTum	BX Quảng Ngãi	BX khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - BX TP Quảng Ngãi và ngược lại.	420	180	Tuyến quy hoạch mới
71	7782.1111.A	Bình Định	Kon Tum	Quy Nhơn	Kon Tum	Bến xe khách KonTum - Đường Hồ Chí Minh - Quốc	230	600	Tuyến đang khai

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)		Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tính nơi đi/đến	Tính nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đến/đi					
						lộ 19 - Quốc lộ 1A - Bến xe Trung tâm Quy Nhơn và ngược lại.			thác	
72	7782.1112.A	Bình Định	Kon Tum	Quy Nhơn	Đắk Hà	Bến xe khách huyện Đắk Hà - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1A - Bến xe trung tâm Quy Nhơn và ngược lại	260	240	Tuyến đang khai thác	
73	7782.1113.A	Bình Định	Kon Tum	Quy Nhơn	Ngọc Hồi	Bến xe khách huyện Ngọc Hồi - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1A - Bến xe trung tâm Quy Nhơn và ngược lại.	290	300	Tuyến đang khai thác	
74	7782.1117.A	Bình Định	Kon Tum	Quy Nhơn	[Sa Thầy]	Bến xe Sa Thầy - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1A - Bến xe trung tâm Quy Nhơn và ngược lại.	260	45	Tuyến quy hoạch mới	
75	7782.1211.A	Bình Định	Kon Tum	Bồng Sơn	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Bồng Sơn và ngược lại.	290	210	Tuyến đang khai thác	
76	7782.1212.A	Bình Định	Kon Tum	Bồng Sơn	Đắk Hà	BX khách Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Bồng Sơn và ngược lại.	320	30	Tuyến đang khai thác	
77	7782.1213.A	Bình Định	Kon Tum	Bồng Sơn	Ngọc Hồi	BX khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Bồng Sơn và ngược lại.	350	60	Tuyến đang khai thác	
78	7782.1311.A	Bình Định	Kon Tum	Bình Dương Phù Mỹ	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Bình Dương và ngược lại.	260	90	Tuyến đang khai thác	
79	7782.1312.A	Bình Định	Kon Tum	Bình Dương Phù Mỹ	Đắk Hà	BX khách huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Bình Dương và ngược lại.	290	90	Tuyến đang khai thác	
80	7782.1313.A	Bình Định	Kon Tum	Bình Dương Phù Mỹ	Ngọc Hồi	BX khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Bình Dương và ngược lại.	320	90	Tuyến đang khai thác	
81	7782.1411.A	Bình Định	Kon Tum	Phù Cát	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Phù Cát và ngược lại.	256	120	Tuyến đang khai thác	
82	7782.1413.A	Bình Định	Kon Tum	Phù Cát	Ngọc Hồi	BX khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Phù Cát và ngược lại.	316	90	Tuyến đang khai thác	
83	7782.1711.A	Bình Định	Kon Tum	An Nhơn	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX An Nhơn và ngược lại.	245	300	Tuyến đang khai thác	
84	7782.1712.A	Bình Định	Kon Tum	An Nhơn	Đắk Hà	BX khách huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX An Nhơn và ngược lại.	275	60	Tuyến đang khai thác	

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh					Hành trình chạy xe chính (đùng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến					
85	7782.1713.A	Bình Định	Kon Tum	An Nhơn	Ngọc Hồi	BX khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX An Nhơn và ngược lại.	305	180	Tuyến đang khai thác	
86	7782.5311.A	Bình Định	Kon Tum	[Hoài Ân]	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - BX Hoài Ân và ngược lại.	294	90	Tuyến đang khai thác	
87	7882.1511.A	Phú Yên	Kon Tum	Liên tỉnh Phú Yên	Kon Tum	Bến xe khách Kon Tum - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1A - Bến xe liên tỉnh Phú Yên và ngược lại	340	150	Tuyến đang khai thác	
88	7882.1512.A	Phú Yên	Kon Tum	Liên tỉnh Phú Yên	Đắk Hà	Bến xe khách huyện Đắk Hà - QL14 - QL19 - QL1 - Bến xe Liên tỉnh Phú Yên và ngược lại.	370	60	Tuyến quy hoạch mới	
89	7882.1513.A	Phú Yên	Kon Tum	Liên tỉnh Phú Yên	Ngọc Hồi	Bến xe khách huyện Ngọc Hồi - QL14 - QL19 - QL1 - Bến xe Liên tỉnh Phú Yên và ngược lại.	400	60	Tuyến quy hoạch mới	
90	7982.1111.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Phía Nam Nha Trang	Kon Tum	BX phía Nam - QL1A-QL26 -QL14 - Bùn Hồ-BX khách Kon Tum và ngược lại.	420	45	Tuyến đang khai thác	
91	7982.1211.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Phía Bắc Nha Trang	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - QL26 - QL1A - BX phía Bắc TP. Nha Trang và ngược lại.	440	90	Tuyến đang khai thác	
92	7982.1311.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Cam Ranh	Kon Tum	BX Cam Ranh (Khánh Hòa), Quốc lộ 1A, Quốc lộ 26 - Quốc lộ 14, BX Kon Tum và ngược lại.	474	60	Tuyến đang khai thác	
93	7982.1313.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Cam Ranh	Ngọc Hồi	BX huyện Ngọc Hồi - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 26 - Quốc lộ 1 - BX Cam Ranh và ngược lại.	505	60	Tuyến đang khai thác	
94	7982.1212.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Phía Bắc Nha Trang	Đắk Hà	BX huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 26 - Quốc lộ 1 - BX phía Bắc Nha Trang và ngược lại.	390	15	Tuyến quy hoạch mới	
95	7982.1312.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Cam Ranh	Đắk Hà	BX huyện Đắk Hà - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 26 - Quốc lộ 1 - BX Cam Ranh và ngược lại.	390	15	Tuyến quy hoạch mới	
96	8182.1111.A	Gia Lai	Kon Tum	Đức Long Gia Lai	Kon Tum	BX Đức Long - Đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.	50	210	Tuyến đang khai thác	
97	8182.1113.A	Gia Lai	Kon Tum	Đức Long Gia Lai	Ngọc Hồi	BX Đức Long - Đường Hồ Chí Minh - BX khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	110	270	Tuyến đang khai thác	
98	8182.1411.A	Gia Lai	Kon Tum	Ayun Pa	Kon Tum	BX Ayun Pa - Quốc lộ 25 - Đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.	148	30	Tuyến đang khai thác	
99	8182.1413.A	Gia Lai	Kon Tum	Ayun Pa	Ngọc Hồi	BX Ayun Pa - Quốc lộ 25 - Đường Hồ Chí Minh -	198	30	Tuyến đang khai	

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đứng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bên / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đến/đi				
								thác	
100	8182.1511.A	Gia Lai	Kon Tum	K'Bang	Kon Tum	BX K'Bang - Tỉnh lộ 669 - Quốc lộ 19 - Đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.	170	30	Tuyến đang khai thác
101	8182.1811.A	Gia Lai	Kon Tum	Krông Pa	Kon Tum	BX Krông Pa - Quốc lộ 25 - Đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.	195	30	Tuyến đang khai thác
102	8182.1112.A	Gia Lai	Kon Tum	Đức Long Gia Lai	Đắk Hà	BX huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - BX Đức Long và ngược lại.	290	90	Tuyến quy hoạch mới
103	8182.1115.A	Gia Lai	Kon Tum	Đức Long Gia Lai	[Kon Pông]	BX Kon Pông - QL24 - đường Hồ Chí Minh - BX Đức Long và ngược lại.	290	90	Tuyến quy hoạch mới
104	8182.1117.A	Gia Lai	Kon Tum	Đức Long Gia Lai	[Sa Thầy]	BX huyện Sa Thầy - TL 675 - Quốc lộ 14 - BX Đức Long và ngược lại.	290	90	Tuyến quy hoạch mới
105	8182.1311.A	Gia Lai	Kon Tum	An Khê	Kon Tum	BX An Khê - QL19 - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	130	90	Tuyến quy hoạch mới
106	8182.1711.A	Gia Lai	Kon Tum	Đắk Đoa	Kon Tum	BX Đắk Đoa - QL19 - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	70	90	Tuyến quy hoạch mới
107	8182.2011.A	Gia Lai	Kon Tum	Chư Sê	Kon Tum	BX Chư Sê - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum và ngược lại.	70	90	Tuyến quy hoạch mới
108	8182.1312.A	Gia Lai	Kon Tum	An Khê	Đắk Hà	Bến xe An Khê - QL19 - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Đắk Hà và ngược lại.	160	90	Tuyến quy hoạch mới
109	8182.1712.A	Gia Lai	Kon Tum	Đắk Đoa	Đắk Hà	Bến xe Đắk Đoa - QL19 - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Đắk Hà và ngược lại.	100	90	Tuyến quy hoạch mới
110	8182.2012.A	Gia Lai	Kon Tum	Chư Sê	Đắk Hà	Bến xe Chư Sê - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Đắk Hà và ngược lại.	100	90	Tuyến quy hoạch mới
111	8182.1313.A	Gia Lai	Kon Tum	An Khê	Ngọc Hồi	Bến xe An Khê - QL19 - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	190	90	Tuyến quy hoạch mới
112	8182.1713.A	Gia Lai	Kon Tum	Đắk Đoa	Ngọc Hồi	Bến xe Đắk Đoa - QL19 - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	130	90	Tuyến quy hoạch mới
113	8182.2013.A	Gia Lai	Kon Tum	Chư Sê	Ngọc Hồi	Bến xe Chư Sê - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	130	90	Tuyến quy hoạch mới

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách có định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đùng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến				
114	8285.1111.A	Kon Tum	Ninh Thuận	Kon Tum	Ninh Thuận	BX KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 29 - Tỉnh lộ 683 - Quốc lộ 26 - Quốc lộ 1A - BX tỉnh Ninh Thuận và ngược lại.	535	60	Tuyến đang khai thác
115	8285.1111.B	Kon Tum	Ninh Thuận	Kon Tum	Ninh Thuận	Bến xe khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - QL19 - QL1A - Bến xe tỉnh Ninh Thuận và ngược lại.	560	60	Tuyến quy hoạch mới
116	82851211A	KonTum	Ninh Thuận	BX khách huyện Đăk Hà	BX Ninh Thuận	Bến xe khách huyện Đăk Hà - Quốc lộ 14 (Đường Hồ Chí Minh) - Quốc lộ 29 - Tỉnh lộ 683 - Quốc lộ 26 - Quốc lộ 1A - Bến xe Ninh Thuận và ngược lại.	565	60	Tuyến quy hoạch mới
117	82851311A	KonTum	Ninh Thuận	BX khách huyện Ngọc Hỏi	BX Ninh Thuận	Bến xe khách huyện Ngọc Hỏi - Quốc lộ 14 (Đường Hồ Chí Minh) - Buôn Hồ - Quốc lộ 26 - Quốc lộ 1A - Bến xe Ninh Thuận.	595	60	Tuyến quy hoạch mới
118	82851211B	KonTum	Ninh Thuận	BX khách huyện Đăk Hà	BX Ninh Thuận	Bến xe khách huyện Đăk Hà - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - Quy Nhơn - Phú Yên - Nha Trang - Bến xe Ninh Thuận và ngược lại.	590	60	Tuyến quy hoạch mới
119	82851311B	KonTum	Ninh Thuận	BX khách huyện Ngọc Hỏi	BX Ninh Thuận	Bến xe khách huyện Ngọc Hỏi - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 19 - Quốc lộ 1 - Quy Nhơn - Phú Yên - Nha Trang - Bến xe Ninh Thuận và ngược lại.	620	60	Tuyến quy hoạch mới
120	8288.1112.A	Kon Tum	Vinh Phúc	Kon Tum	Vinh Tương	BX khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Đà Nẵng - Quốc lộ 1A - TP Vinh - Quốc lộ 48 - Yên Lý - Thịnh Mỹ - Thái Hòa - Đường Hồ Chí Minh - Xuân Mai - Hòa Lạc - Đại lộ Thăng Long - Đường trên cao vành đai III - Phạm Văn Đồng - Cầu Thăng Long - Quốc lộ 2 - BX Vinh Tương và ngược lại.	1.165	30	Tuyến đang khai thác
121	82881111.A	Kon Tum	Vinh Phúc	Kon Tum	Vinh Yên	Bến xe khách KonTum - QL14 - QL14B - Đà Nẵng - QL1A - TP Vinh - QL48 - Yên Lý - Thịnh Mỹ - Thái Hòa - Đường Hồ Chí Minh - Xuân Mai - Hòa Lạc - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai III - Cầu Thăng Long - QL 2 - Bến xe Vinh Yên và ngược lại.	1225	30	Tuyến quy hoạch mới

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đứng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đến/đi				
122	82881115.A	Kon Tum	Vĩnh Phúc	Kon Tum	Phúc Yên	Bến xe khách Kon Tum - QL14 - Đà Nẵng - QL1A - TP Vinh - QL48 - Yên Lý - Thịnh Mỹ - Thái Hòa - Đường Hồ Chí Minh - Xuân Mai - Hòa Lạc - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai III - Cầu Thăng Long - QL 2 - Bến xe Phúc Yên và ngược lại.	1225	30	Tuyến quy hoạch mới
123	8292.1111.A	Kon Tum	Quảng Nam	Kon Tum	Tam Kỳ	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14E - QL 1A - BX Tam Kỳ và ngược lại.	230	300	Tuyến đang khai thác
124	8292.1111.B	Kon Tum	Quảng Nam	Kon Tum	Tam Kỳ	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14E - BX Tam Kỳ và ngược lại.	275	300	Tuyến đang khai thác
125	8292.1111.C	Kon Tum	Quảng Nam	Kon Tum	Tam Kỳ	BX Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 40 - QL 1A - BX Tam Kỳ và ngược lại	240	60	Quy hoạch mới
126	8292.1711.A	Kon Tum	Quảng Nam	Sa Thầy	Tam Kỳ	BX huyện Sa Thầy - TL 675 - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1A - BX Tam Kỳ và ngược lại.	260	30	Tuyến quy hoạch mới
127	3782.1111.A	Nghệ An	Kon Tum	Vinh	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - BX Vinh và ngược lại.	780	30	Tuyến quy hoạch mới
128	82371115A	Kon Tum	Nghệ An	Kon Tum	Đô Lương	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 1A - Hàm Đèo Hải Vân - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 7 - BX Đông Lương và ngược lại.	830	120	Tuyến quy hoạch mới
129	823711155A	Kon Tum	Nghệ An	Kon Tum	Con Cuông	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 1A - Hàm Đèo Hải Vân - Quốc lộ 1A - ĐT 538 - Quốc lộ 7 - BX Con Cuông và ngược lại.	830	120	Tuyến quy hoạch mới
130	82371121A	Kon Tum	Nghệ An	Kon Tum	Quỳ Hợp	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 1A - Hàm Đèo Hải Vân - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 46 - Quốc lộ 15A - Quốc lộ 48 - Quốc lộ 48C - BX Quỳ Hợp và ngược lại.	830	120	Tuyến quy hoạch mới
131	4882.1111.A	Đắk Nông	Kon Tum	Gia Nghĩa	Kon Tum	BX Gia Nghĩa - Đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.	350	30	Tuyến quy hoạch mới
132	4882.1111.A	Đắk Nông	Kon Tum	Gia Nghĩa	Ngọc Hồi	Bến xe Gia Nghĩa - QL14 - Bến xe khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại	410	60	Tuyến quy hoạch mới
133	7382.1111.A	Quảng Bình	Kon Tum	Đồng Hới	Kon Tum	BX Đồng Hới - Trần Hưng Đạo - QL.1 - Đường Hồ	600	180	Tuyến quy hoạch

TT	Mã số tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh					Hành trình chạy xe chính (đường cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
		Tỉnh nơi đi/đến	Tỉnh nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến					
						Chi Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.				
134	7382.1811.A	Quảng Bình	Kon Tum	Lệ Thủy	Kon Tum	BX Lệ Thủy - QL 1 - Đường Hồ Chí Minh - BX khách Kon Tum và ngược lại.	570	180	Tuyến quy hoạch mới	
135	7482.1111.A	Quảng Trị	Kon Tum	Đông Hà	Kon Tum	BX khách Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 1A - BX Đông Hà và ngược lại.	600	45	Tuyến quy hoạch mới	
136	8298.1111.A	Kon Tum	Bắc Giang	Kon Tum	Bắc Giang	BX Bắc Giang - QL 1A - đường Hồ Chí Minh - BX KonTum và ngược lại.	1.29	30	Tuyến quy hoạch mới	
137	82181111.A	Kon Tum	Nam Định	KonTum	Nam Định	Bến xe khách KonTum - đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14B - Quốc lộ 1A - Bến xe Nam Định và ngược lại.	1050	60	Tuyến quy hoạch mới	
138	82161113.A	Kon Tum	Hải Phòng	Kon Tum	Cầu Rào	Bến xe Kỳ Lâm - QL 12C - QL 1 - QL 14B đường Hồ Chí Minh - Bến xe Kon Tum và ngược lại	1120	60	Tuyến quy hoạch mới	
139	82161111.A	Kon Tum	Hải Phòng	Kon Tum	Niên Nghiã	Bến xe Niêm Nghiã - QL 12C - QL 1 - QL 14B đường Hồ Chí Minh - Bến xe Kon Tum và ngược lại	1130	60	Tuyến quy hoạch mới	
140	82611211.A	Kon Tum	Bình Dương	Đăk Hà	Bình Dương	Bến xe khách huyện Đăk Hà - đường Hồ Chí Minh - QL13 - Bến xe Bình Dương và ngược lại	580	30	Tuyến quy hoạch mới	
141	82611311.A	Kon Tum	Bình Dương	Ngọc Hồi	Bình Dương	Bến xe khách huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - QL13 - Bến xe Bình Dương và ngược lại	610	30	Tuyến quy hoạch mới	
142	69821113A	Cà Mau	Kon Tum	Cà Mau	Ngọc Hồi	BX Cà Mau QL1 - đường Cao tốc Trung Lương - TP Hồ Chí Minh - QL13 - QL14 - đường Hồ Chí Minh - BX khách huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	980	60	Tuyến đang khai thác	

Phục lục 2: Quy hoạch các tuyến vận tải hành khách nội tỉnh đến năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 176/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

T	Tên tuyến vận tải hành khách có định nội tỉnh			Hành trình chạy xe chính (đứng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng ÔH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
	Huyện nơi đi/đến	Huyện nơi đến/đi	BX nơi đi/đến				
1	TP Kon Tum	Đăk Glei	Bến xe khách Kon Tum	Bến xe huyện Đăk Glei	BX Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - BX huyện Đăk Glei và ngược lại.	110	Tuyến đang khai thác
2	TP Kon Tum	Đăk Glei	Bến xe phía Đông TP Kon Tum	Bến xe huyện Đăk Glei	Bến xe phía Đông TP Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - BX huyện Đăk Glei và ngược lại.	116	Tuyến quy hoạch mới
3	TP Kon Tum	Đăk Glei	Bến xe phía Nam TP Kon Tum	Bến xe huyện Đăk Glei	Bến xe phía Nam TP Kon Tum - ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH- BX huyện Đăk Glei và ngược lại.	125	Tuyến quy hoạch mới
4	TP Kon Tum	Ngọc Hồi	Bến xe khách Kon Tum	Bến xe huyện Ngọc Hồi	BX Kon Tum - Đ. HCM - BX huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	60	Tuyến đang khai thác
5	TP Kon Tum	Ngọc Hồi	Bến xe phía Đông TP Kon Tum	Bến xe huyện Ngọc Hồi	Bến xe phía Đông TP Kon Tum - Đ. HCM - BX huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	66	Tuyến quy hoạch mới
6	TP Kon Tum	Ngọc Hồi	Bến xe phía Nam TP Kon Tum	Bến xe huyện Ngọc Hồi	Bến xe phía Nam TP Kon Tum - Đ. HCM - BX huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	75	Tuyến quy hoạch mới
7	TP Kon Tum	KonPlông	Bến xe khách Kon Tum	Bến xe huyện KonPlông	BX Kon Tum - đường Phan Đình Phùng - đường Duy Tân - Quốc lộ 24 - Bến xe huyện KonPlông và ngược lại.	60	Tuyến đang khai thác
8	TP Kon Tum	KonPlông	Bến xe phía Nam TP Kon Tum	Bến xe huyện KonPlông	Bến xe phía Nam TP Kon Tum - đường Phan Đình Phùng - đường Duy Tân - Quốc lộ 24 - Bến xe huyện KonPlông và ngược lại.	60	Tuyến quy hoạch mới
9	TP Kon Tum	Tu Mơ Rông	Bến xe khách Kon Tum	Bến xe huyện Tu Mơ Rông	BX Kon Tum - Đ. HCM - BX Tu Mơ Rông và ngược lại.	80	Tuyến quy hoạch mới
10	TP Kon Tum	Tu Mơ Rông	Bến xe phía Đông TP Kon Tum	Bến xe huyện Tu Mơ Rông	Bến xe phía Đông TP Kon Tum - Đ. HCM - BX Tu Mơ Rông và ngược lại.	86	Tuyến quy hoạch mới
11	TP Kon Tum	Tu Mơ Rông	Bến xe phía Nam TP Kon Tum	Bến xe huyện Tu Mơ Rông	Bến xe phía Nam TP Kon Tum - Đ. HCM - BX Tu Mơ Rông và ngược lại.	95	Tuyến quy hoạch mới
12	TP Kon Tum	laH'Drai	Bến xe phía Đông TP Kon Tum	Bến xe huyện laH'Drai	Bến xe Kon Tum - Đ. HCM - BX laH'Drai và ngược lại.	110	Tuyến quy hoạch mới
13	TP Kon Tum	laH'Drai	Bến xe phía Đông	Bến xe huyện	Bến xe phía Đông TP Kon Tum - Đ. HCM - BX	116	Tuyến quy

T	Tên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh				Hành trình chạy xe chính (đùng cho cả 2 chiều đi và ngược lại <=>)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng QH (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến quy hoạch
	Huyện nơi đi/đến	Huyện nơi đến/đi	BX nơi đi/đến	BX nơi đi/đến				
			TP Kon Tum	IaH'Drai	IaH'Drai và ngược lại.			hoạch mới
14	TP Kon Tum	IaH'Drai	Bến xe phía Nam TP Kon Tum	Bến xe huyện IaH'Drai	Bến xe phía Nam TP Kon Tum - Đ. HCM - BX IaH'Drai và ngược lại.	125	300	Tuyến quy hoạch mới
15	TP Kon Tum	Sa Thầy	Bến xe khách Kon Tum	Bến xe huyện Sa Thầy	BX Kon Tum - Đ. HCM - BX huyện Sa Thầy và ngược lại.	30	180	Tuyến đang khai thác
16	TP Kon Tum	Sa Thầy	Bến xe phía Đông TP Kon Tum	Bến xe huyện Sa Thầy	Bến xe phía Đông TP Kon Tum - Đ. HCM - BX huyện Sa Thầy và ngược lại.	36	180	Tuyến quy hoạch mới
17	TP Kon Tum	Sa Thầy	Bến xe phía Nam TP Kon Tum	Bến xe huyện Sa Thầy	Bến xe phía Nam TP Kon Tum - Đ. HCM - BX huyện Sa Thầy và ngược lại.	45	180	Tuyến quy hoạch mới
18	Sa Thầy	Đăk Tô	Bến xe huyện Sa Thầy	Bến xe huyện Đăk Tô	Bến xe huyện Sa Thầy - DT 675 - DT 679 - BX huyện Đăk Tô và ngược lại.	55	180	Tuyến quy hoạch mới
19	Sa Thầy	Ngọc Hồi	Bến xe huyện Sa Thầy	Bến xe huyện Ngọc Hồi	Bến xe huyện Sa Thầy - DT 675 - QL14C - BX huyện Ngọc Hồi và ngược lại.	60	180	Tuyến quy hoạch mới
20	Ngọc Hồi	IaH'Drai	Bến xe huyện Ngọc Hồi	Bến xe huyện IaH'Drai	Bến xe huyện Ngọc Hồi - QL14C - Bến xe huyện IaH'Drai và ngược lại.	80	180	Tuyến quy hoạch mới

Phụ lục 4: Quy hoạch các tuyến Quốc lộ
(Kèm theo Quyết định số 178/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	QH đến năm 2020	QH sau năm 2020	Ghi chú
1	Đường Hồ Chí Minh	Ranh giới với tỉnh Quảng Nam	Ranh giới với tỉnh Gia Lai	178,2			
-	Đoạn 1	Ranh giới với tỉnh Quảng Nam	Thị trấn Plei Kần	90	III _{MN}	Giữ cấp	
-	Đoạn 2	Thị trấn Plei Kần	Ranh giới với tỉnh Gia Lai	65	III _{ĐB}	Cao tốc 4-6 làn xe	
-	Đoạn tránh phía Đông qua thành phố Kon Tum	Km 1542+538 đường Hồ Chí Minh	Km 1561+460 đường Hồ Chí Minh	23,2	III-IV	Cao tốc 4-6 làn xe	
2	QL24	Ranh giới với tỉnh Quảng Ngãi	Giao với đường cao tốc (Km13+200 QL40 cũ)	179,91			
-	Đoạn 1	Ranh giới với tỉnh Quảng Ngãi	Cầu Chà Mòn (Km 164+730)	95,73	III _{MN} -II	Giữ cấp	Đoạn qua thị trấn KonPlong, Kon Rẫy, TP Kon Tum theo QH
-	Đoạn 2	Cầu Chà Mòn (Km 164+730)	Xã Rờ Koi (giao với QL14C)	59,31	IV _{MN}	III _{MN}	
-	Đoạn 3	Giao với QL14C tại xã Rờ Koi	Giao với đường cao tốc (Km13+200 QL40 cũ)	24,87	IV _{MN}	III _{MN}	Quy hoạch mở mới
3	QL40	Giao cao tốc CKQT Bờ Y-Pleiku	CK phụ Đăk Kôi	7,63	III _{MN}	Giữ cấp	
4	QL40B	Ranh giới với tỉnh	CKQT Bờ Y	97,636	IV-III _{MN}	Giữ cấp	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	QH đến năm 2020	QH sau năm 2020	Ghi chú
		Quảng Nam					
5	QL14C	Thị trấn Plei Kân	Ranh giới với tỉnh Gia Lai	106,8	IV _{MN}	Giữ cấp	Đoạn qua trung tâm huyện Ia H'Drai theo quy hoạch thị trấn
6	QL24D	Xã Đăk Long, huyện Kon Plông (giao với QL24 tại Km 114+200)	Cầu Tà Meo, xã Đăk Nên, huyện Kon Plông	65	IV _{MN} -III _{MN}	Giữ cấp	Đoạn qua thị trấn KonPlông theo quy hoạch thị trấn
7	QL24E (đường tỉnh 675A theo QH cũ)	Thị trấn Sa Thầy (giao QL24)	CK phụ Hồ Đá	107,1	IV _{MN}	III _{MN}	Đoạn qua thị trấn Sa Thầy theo quy hoạch thị trấn
8	QL24H	Giao với QL24D	Ranh giới với tỉnh Quảng Nam	34,41	IV _{MN}	III _{MN}	
	TỔNG			776,686			

Phụ lục 5: Quy hoạch các tuyến đường Tỉnh lộ

(Kèm theo Quyết định số 1176/2016/QĐ-UBND ngày 7 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy hoạch giai đoạn 2016-2020				Quy hoạch giai đoạn 2021-2025				Định hướng hưởng đến năm 2035
					Cấp	XD mới	Nâng cấp	Giữ cấp	Cấp	XD mới	Nâng cấp	Giữ cấp	
1	ĐT.671 (Đoạn 1)	Thị trấn Đắk Hà	UBND xã Đắk Cấm (TP Kon Tum)	34,6	IV		34,6		III		34,6		Cấp
	ĐT.671 (Đoạn 2)	Cầu treo Kon Klor (xã Đắk Rơ Va)	Phường Lê Lợi (giao với đường Hồ Chí Minh tại lý trình Km 1554+120)	9,3	IV			9,3	III	9,3			II
	ĐT.671 (Đoạn 3)	Phường Lê Lợi (giao với đường Hồ Chí Minh tại lý trình Km 1553+480)	Làng Đốt, huyện Sa Thầy (giao với đường tỉnh 675A)	21,5	IV		11,5		III	10	11,5		III
2	ĐT.672	Thôn Ngọc Hoàng (xã Đắk Ring, huyện Kon Plong)	UBND xã Ngọc Linh (huyện Đắk Glei)	72,9	IV	47,66	25,24		III-IV		24,1	48,8	III
3	ĐT.673	Xã Đắk Man, huyện Đắk Glei (giao với đường Hồ Chí Minh)	UBND xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei	39,85	IV		39,85		III-IV		10	29,85	III
4	ĐT.673A	Giao với ĐT.673 (lý trình Km 8), xã Đắk Choong, Đắk Glei	Cửa khẩu phụ Đắk Plô	35,8	V	23,8	12		IV		35,8		III
5	ĐT.674	Ngã 3 Điện Biên Phủ,	Biên giới với	48,6	V	31,6		5	IV	12	36,6		III

TT	Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Quy hoạch giai đoạn 2016-2020				Quy hoạch giai đoạn 2021-2025				Định hướng đến năm 2035	
					Cấp	XD mới	Năng cấp	Giữ cấp	Cấp	XD mới	Năng cấp	Giữ cấp		Cấp
		thị trấn huyện Sa Thầy	Campuchia											
6	ĐT.675B	Làng Chốt, Xã Ya Xiết, huyện Sa Thầy (giao với ĐT.674 tại Km 30+500)	xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai (giao với ĐT.675A)	57	V			57	IV			57		IV
7	ĐT.677	Xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà (giao với đường Hồ Chí Minh)	Câu Kon Brai, xã Đăk Rường, huyện Kon Rẫy (giao với QL24)	67,06	V			67,06	IV			67,06		III
8	ĐT.677A	Thôn 10, xã Đăk Psi, huyện Đăk Hà	Xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông	16	V	16			IV			16		IV
9	ĐT.678	Xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô	Cửa khẩu phụ Đăk Long (huyện Đăk Glai)	73,4	IV-V	27,6 (cấp IV)	45,8		IV			45,8	27,6	III
10	ĐT.679	Xã Sa Bình, huyện Sa Thầy (giao với ĐT 675)	Thị trấn Đăk Tô (giao với đường Hồ Chí Minh)	39,93	V			39,93	IV			39,93		III
11	ĐT.680	Xóm Sao Mai, xã Hòa Bình, TP Kon Tum (giao với đường Hồ Chí Minh)	Giao với QL24D	94,59	IV	44,59			IV			50	44,59	IV
		TỔNG				191,25	168,99	178,29			72	387,69	150,84	
						538,53						610,53		

Phụ lục 6: Quy hoạch các tuyến đường huyện

(Kèm theo Quyết định số **1176/2016/QĐ-UBND** ngày **07 tháng 10** năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường	Ghi chú
I	TP Kon Tum					
1	ĐH.01	Km 166 QL24	Ranh giới xã Đăk Cấm và Ngọc Réo	8	IV	Cải tạo, nâng cấp, duy tu
2	ĐH.02	Km 484 Đường HCM	Xã Đăk Nơ Va	6,8	IV	Cải tạo, nâng cấp, duy tu
3	ĐH.03	Giao Đường HCM, phường Trần Hưng Đạo	Xã Ia Chim	20	V	Cải tạo, nâng cấp, duy tu và xây dựng mới.
4	ĐH.04	Giao Đường HCM, phường Trần Hưng Đạo	Bến du lịch xã Ia Chim	20	V	Cải tạo, nâng cấp, duy tu
5	ĐH.05	Giao Đường HCM xã Vinh Quang	Giao Đường HCM xã Hòa Bình	21	Đường trục chính đô thị	Quy hoạch xây dựng mới (Đường vành đai phía Tây)
6	ĐH.06	Giao ĐT671	Ranh giới tỉnh Gia Lai	41	V	Cải tạo nâng cấp và Quy hoạch xây dựng mới
8	ĐH.08	Giao ĐT671 Làng Plei Lay, xã Ia Chim.	Giao QL24 mới (Km11+450 ĐT675 cũ)	10	V	Cải tạo nâng cấp và Quy hoạch xây dựng mới
9	ĐH.09	Xã Vinh Quang	Ranh giới TP và Sa Thầy ĐT 675 cũ	7	IV	Cải tạo, nâng cấp
II	Huyện Sa Thầy					
1	ĐH.11	Giao ĐT675 tại Km15+200	Km4+600 ĐH.14 (làng Tum, xã Yaly)	10,6	V	Cải tạo, nâng cấp 5.6km hiện có và mở mới 5km từ thôn Bình Long đến làng Tum)
2	ĐH.12	ĐT675 Sa Nghĩa	QL14C (Xã Rờ Koi)	40	V	Quy hoạch xây dựng mới
3	ĐH.12A	Giao TL675 xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy	Quốc lộ 14C, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi	17	V	Đường giao thông kết nối phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh từ xã Rờ Koi huyện Sa Thầy đi xã Sa Loong huyện Ngọc Hồi
4	ĐH.13	Km3 ĐH.12 (thôn Hòa Bình, xã Sa Nghĩa)	Km24+300 ĐT.675, công an huyện, thị trấn Sa Thầy	0,72	V	Cải tạo, nâng cấp
5	ĐH.14	TT cụm xã Yaly Ya Xiêr	Bến phà Làng Chờ	11	V	Cải tạo, nâng cấp (Đoạn đầu ĐH14

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường	Ghi chú
6	DH.16	Giao DT674 cũ, UBND xã Sa Sơn,	Trường cấp 3 thị trấn (Km3+600 DT 675A)	7,76	V	cũ từ Km0-Km5+700 quy hoạch thành DT675A)
7	DH.17 (QH mới)	Km30+300 DT 675, thôn Nhon Nghĩa, xã Sa Sơn	Km20+300 DT.679, thôn Ktol, xã Hơ Moong	12	V	Quy hoạch xây dựng mới
8	DH.18A	Km20+600 DT675, Thôn Nghĩa Long, xã Sa Nghĩa	Km6+100, DT679, Thôn Hà Môn, Xã Hơ Moong	5,76	V	Cải tạo, nâng cấp
9	DH.18B	DT 675A (Sè San 3)	QL14C (Km54+300)	32	IV	Quy hoạch xây dựng mới
10	DH.18C	Giao đường TTBG	Giao đường TTBG, làng Xốp	9	V	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 674 đi đường Tuần tra biên giới xã Mò Ray, huyện Sa Thầy.
11	DH.19	TT cụm xã Yaly Yaxiêr	Km21+400, DT675A (Sè San 3)	9,3	IV	Cải tạo, nâng cấp và quy hoạch xây dựng mới
12	DH.19A (ĐT674 cũ)	ĐT 675 (UBND huyện Sa Thầy	Giao DT 674 mới	34	V	Cải tạo, nâng cấp 9 Km đoạn đầu huyện và xây dựng mới đoạn còn lại
13	DH.19D	Thôn Kram xã Rờ Koi (từ chợ Rờ Koi)	Km22+00 DH12 (Đường Sa Nghĩa - Rờ Koi - QL14C)	8	V	Quy hoạch xây dựng mới
14	DH.19E	Km 19+200 DT 679	Bên đò Hơ Moong	5,6	V	Quy hoạch xây dựng mới
III Huyện Kon Rẫy						
1	DH.21	Thị trấn Đăk Rờ Ve	Xã Đăk Tô Re (Km155 QL24)	31,3	V	Cải tạo, nâng cấp 14,5km hiện có, mở mới 16,8km (đường cứu hộ cứu nạn)
2	DH.22	Thị trấn Đăk Rờ Ve	Ranh giới giữa Kon Tum và Gia Lai	21	V	Cải tạo, nâng cấp 10km hiện có, mở mới 11km.
3	DH.23	Giao DT 677, Xã Đăk Tô Lung	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đăk Hà, Tiếp nối điểm cuối DH45 huyện Đăk Hà	15,4	V	Quy hoạch xây dựng mới
4	DH.23A	Km4 DT677, Xã Đăk Tô Lung	Km27 DT677, Xã Đăk Kôi	24	V	Quy hoạch xây dựng mới
5	DH.24	ĐT 676, xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đăk Hà, Tiếp nối điểm cuối DH48 huyện Đăk Hà	17	V	Quy hoạch xây dựng mới

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường	Ghi chú
6	ĐH.25	Giao QL24, xã Đắk Ruồng	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đắk Hà, Tiếp nối điểm cuối ĐH47 huyện Đắk Hà	15	V	Quy hoạch xây dựng mới
7	ĐH.25A	Km 153+100 QL24	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đắk Hà, Tiếp nối điểm cuối ĐH49 huyện Đắk Hà	9	V	Quy hoạch xây dựng mới
8	ĐH.26	Km118+303 Quốc lộ 24 cũ	Km130+323 Quốc lộ 24 cũ	12.02	IV	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 24 thành đường cấp IV, riêng đoạn qua thị trấn Đắk Rve theo quy hoạch chung của Thị trấn
IV Huyện Konplông						
1	ĐH.31	Giao QL24, Km114+950	Thủy điện ĐắkPône	6	V	Cải tạo, nâng cấp (đường ĐH.31 hiện trạng được QH thành đường tỉnh ĐT680)
2	ĐH.32	Giao đường Đông Trường Sơn, UBND xã Ngọc Tem	Giao QL24C, UBND xã Đắk Rìng	35	V	Quy hoạch xây dựng mới
3	ĐH.33	Giao QL 24C. (Km33+700 TL676 cũ) xã Đắk Tăng	Thôn Đắk Y Bay, xã Đắk Bút	17,6	V	Cải tạo, nâng cấp đoạn từ QL24C đến xã Măng Bút và xây dựng mới đoạn đến thôn Đắk Y Bay
4	ĐH.34	Giao QL24, Km114+710, xã Đắk Long	Giao QL24C. (Km15, TL676 cũ, xã Măng Cành)	15	V	Cải tạo, nâng cấp
5	ĐH.35	Giao ĐH.33, xã Măng Bút	Ranh giới hai huyện Tu Mơ Rông và huyện Kon Plông, tiếp nối vào đường huyện ĐH 65	10	V	Quy hoạch xây dựng mới
V Huyện Đắk Hà						
1	ĐH.41	Km1332+900 đường HCM	UBND xã Hà Môn	4,2	IV	Cải tạo, nâng cấp
2	ĐH.42	Km 1528+500 đường HCM (thị trấn Đắk Hà)	Thôn 10 xã ĐắkPxi	31,7	IV	Cải tạo, nâng cấp 15,7km hiện có, mở mới 16km đoạn từ trung tâm xã Đắk Uí Km 15+700 đến thôn 10 xã ĐắkPsi
3	ĐH.42A	Giao với ĐH.42 tại Km4+300	Thôn 4, xã Đắk la	12	V	Đường giao thông liên xã Ngọc Wang đi xã Đắk La, huyện Đắk Hà
4	ĐH.43	Giao ĐT 671, xã Ngọc Wang	Giao ĐT 677, xã Đắk Hring	24,3	V	Quy hoạch xây dựng mới

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường	Ghi chú
5	DH.44	Thôn 10 ĐắkPxi -ĐT 677	Thôn 2 Diên Bình (ĐắkTô)	26,3	V	Quy hoạch xây dựng mới
6	DH.45	Giao DH42 Xã Đắk Uy	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đắk Hà, Tiếp nối điểm cuối DH23 huyện Kon Rẫy	7	V	Quy hoạch xây dựng mới
7	DH.46	Đường HCM (Xã Đắk La)	Giao DT677 xã ĐăkHring	33,9	V	Quy hoạch xây dựng mới, tuyến đi men theo lòng hồ thủy điện Plei Krông
8	DH.47	DT671 xã Ngọc Wang	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đắk Hà, Tiếp nối điểm cuối DH25 huyện Kon Rẫy	15,5	V	Quy hoạch xây dựng mới
9	DH.48	Giao DH 42 Km15+700, xã Đắk Uí	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đắk Hà, Tiếp nối điểm cuối DH24 huyện Kon Rẫy	5	V	Quy hoạch xây dựng mới
10	DH.49	Giao đường HCM, xã Đắk La, huyện Đắk Hà	Ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đắk Hà, Tiếp nối điểm cuối đường huyện DH25A huyện Kon Rẫy	13	V	Quy hoạch xây dựng mới
VI Huyện ĐắkTô						
1	DH.51	Km187+224 QL 40B (Độc Văn Roi)	Km200+950 QL 40B	16	V	Cải tạo, nâng cấp
2	DH.52	Km1499+800- đường HCM	Km7+300 đường Kon Đảo - Ngọc Tụ - Đắk Rơ Nga (ĐH 53 cũ)	9,5	V	Quy hoạch xây dựng mới
3	DH 53 cũ	Đường Kon Đảo - Ngọc Tụ - Đắk Rơ Nga đã được Quy hoạch chuyển thành đường QL40B				
4	DH.54	Giao tại Km 15+450 đường tránh lữ huyện Đắk Hà (xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà).	Giao đường Hồ Chí Minh Km1511+500 (Km444+150, QL14)	10,5	V	Quy hoạch xây dựng mới
5	DH.55	Km1494+100 đường HCM	Làng Kon Tu Peng, xã Pô Kô	23	V	Cải tạo, nâng cấp
VII Huyện Tu Mơ Rông						
1	DH.63	Điểm đầu Giao QL40B	Điểm cuối UBND xã Măng Ri	14	V	Cải tạo, nâng cấp
2	DH.64	Giao DT678, xã Đắk Rơ Ông	Giao DT678, Thôn Năng Lớn 2, xã Đắk Sao	25	V	Quy hoạch xây dựng mới
3	DH.65	Giao DT 672, UBND xã Ngọc	Ranh giới hai huyện Tu Mơ	10	V	Quy hoạch xây dựng mới

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường	Ghi chú
		Yêu	Rông và huyện Kon Plông, tiếp nối vào đường huyện ĐH 35			
4	ĐH.66	Giao ĐT678, UBND xã Đắk Na	Giao ĐT 673, xã Ngọc Linh huyện ĐắkGlei	15	V	Quy hoạch xây dựng mới (Thuộc phạm vi huyện Tu Mơ Rông dài 15km)
5	ĐH.67	Giao QL 40B (ĐT 672 cũ)	Giao ĐT 678 (Đốc Văn Loan)	25	V	Cải tạo, nâng cấp
6	ĐH.68	Giao ĐT 672, UBND xã Măng Ri	Ranh giới hai huyện Tu Mơ Rông và huyện Đắk Glei, tiếp nối vào đường huyện ĐH 85	18	V	Quy hoạch xây dựng mới (Bao gồm cả ĐH.68 quy hoạch cũ và xây dựng mới)
7	ĐH. 69	UBND xã Tê Xăng	Thôn Long Lẫy, xã Ngọc Yêu	17	V	Quy hoạch xây dựng mới (ĐH.69 và ĐH.70A theo quy hoạch cũ gộp thành ĐH.69 theo quy hoạch mới)
VIII Huyện Ngọc Hồi						
1	ĐH.71	Giao QL40, tại Km8	Giao QL14C, tại Km4	7,2	V	Cải tạo, nâng cấp
2	ĐH.72	Giao ĐH.71, tại Km0+970	Giao QL40	6,5	V	Cải tạo, nâng cấp
3	ĐH.73	Giao QL14C, tại Km4+250, xã Đắk Kan	Đồn Biên phòng 701	17,0	V	Cải tạo, nâng cấp
4	ĐH.74	Giao ĐH.73, tại Km0+250	Xã Sa Loong	9,5	V	Cải tạo, nâng cấp
5	ĐH.75	Thôn Sơn Phú, xã Đắk Kan	Xã Đắk Kan	5,5	V	Cải tạo, nâng cấp
6	ĐH.76	Giao QL40, tại Km1+700, xã Đắk Xú	Giao QL14C, tại Km1+550	2,4	V	Cải tạo, nâng cấp
7	ĐH.77	Giao QL40, tại Km1+900, xã Đắk Xú	Đồn Biên phòng 679	11	V	Cải tạo, nâng cấp
8	ĐH.78	Giao đường HCM, tại Km1472+600	Thôn Đắk Rome, xã Đắk Ang	4,6	V	Cải tạo, nâng cấp
9	ĐH.79	Giao đường HCM, tại Km1471+650	Đồn Biên phòng 675	4,5	V	Cải tạo, nâng cấp
10	ĐH.80	Giao đường Hồ Chí Minh	Giao Quốc lộ 40B	25	V	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đoạn từ thôn Đắk Rơ Me đến giao QL40B và đoạn đầu qua sông giao với đường Hồ Chí Minh
IX Huyện ĐắkGlei						
1	ĐH.81	Km12+020 ĐT 673	Giao ĐT 673, Xã Ngọc Linh	19,7	V	Gồm ĐH82 hiện trạng và Quy hoạch

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường	Chi chú
		Xã Đăk Choong				xây dựng mới đoạn từ xã Xốp đến xã Ngọc Linh (đường huyện DH81 hiện trạng đã được quy hoạch thành đường tỉnh DT 673A)
2	DH.82	Giao Đường HCM, TT ĐăkGlei	Giao DH 81, UBND Xã Xốp	13	V	Quy hoạch xây dựng mới
3	DH.83	Km1437+500 đường HCM	Xã Đăk Nhoong	13,7	V	Cải tạo, nâng cấp
4	DH.84	Km1450+600 đường HCM	Km 20 (Đường DH 86)	9	V	Cải tạo, nâng cấp DH 84 cũ và mở mới đoạn từ Núi Vai đến DH 86
5	DH.85	Giao đường Hồ Chí Minh, Thôn Đăk Tung, TT Đăk Glei	Ranh giới hai huyện Tu Mơ Rông và huyện Đăk Glei, tiếp nối vào đường huyện DH 68	10	V	Quy hoạch xây dựng mới (đường huyện DH 85 hiện trạng được quy hoạch thành đường tỉnh DT678)
6	DH.86	Giao DT 673A, xã ĐăkBiê	Giao DT 678, xã Đăk Long	40	V	Cải tạo, nâng cấp
7	DH.87	Giao DT 673A, xã ĐăkMan	Giao DH 86, xã Đăk Nhoong	15,3	V	Quy hoạch xây dựng mới
8	DH.88	Giao đường Hồ Chí Minh, TT Đăk Glei	Giao DH 86, thôn Rooc Men, xã Đăk Nhoong	12	V	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới
9	DH.89	DT 673 Mường Hoong	DT 673 Ngọc Linh	24,3	V	Cải tạo, nâng cấp
X	Huyện Ia H'Drài					
1	DH.10A	Giao QL14C tại Km62	Giao với đường tuần tra biên giới tại cầu Trường Thành	43,9	V	Quy hoạch xây dựng mới
2	DH.10B-N1	Giao đường QH thuộc:Trung tâm hành chính huyện	Giao đường huyện DH10A	3,2	V	Quy hoạch xây dựng mới
3	DH.10B-N1	Giao đường huyện DH10A	Đường tuần tra biên giới	4,7	V	Quy hoạch xây dựng mới
4	DH.10C	Trung tâm hành chính huyện	Giao với DT.675A tại Km 58+800	11,6	V	Quy hoạch xây dựng mới

Phụ lục 7: Quy hoạch bến bãi đỗ xe đường bộ

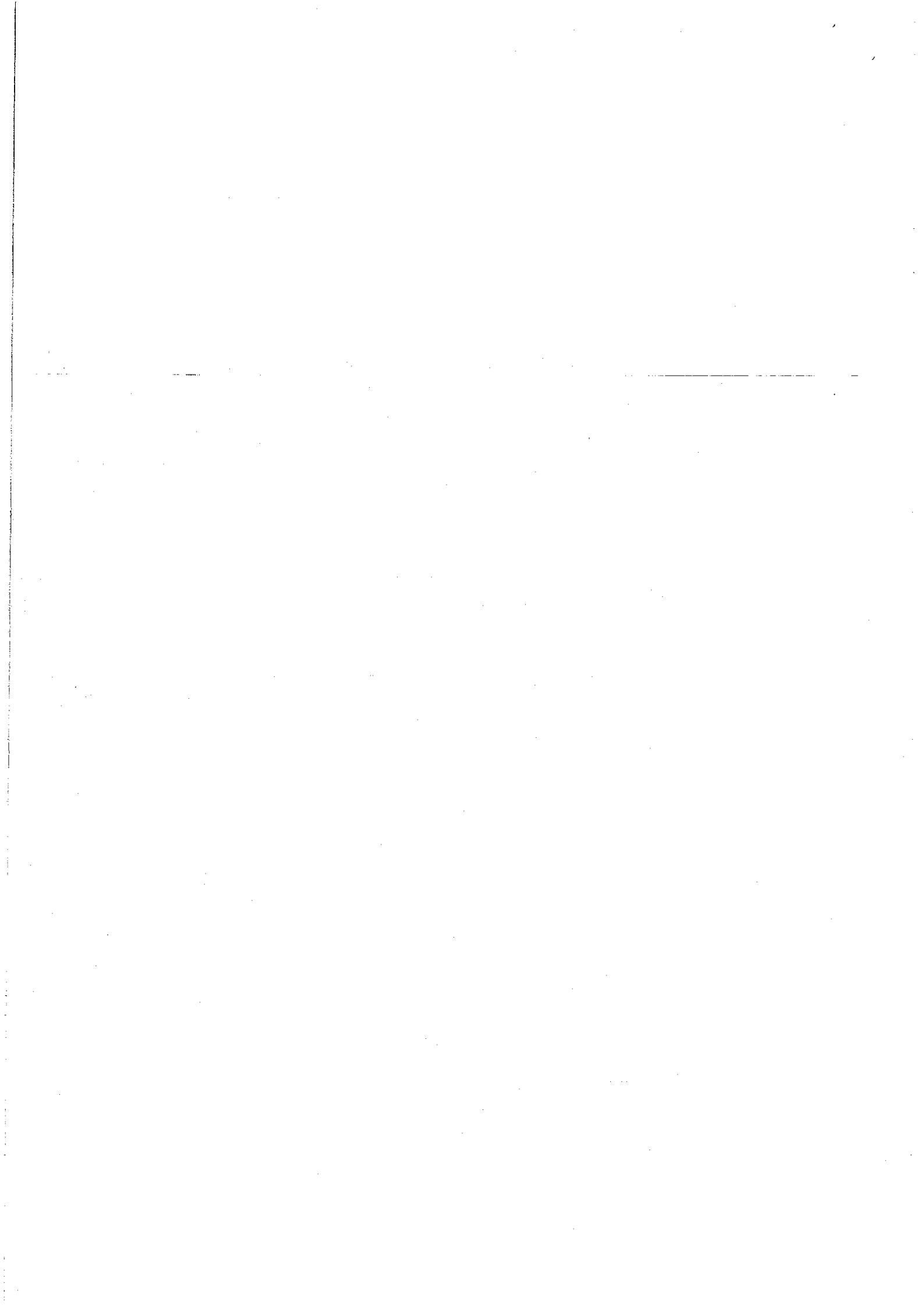
(Kèm theo Quyết định số ~~1176~~ 1176/2016/QĐ-UBND ngày ~~07~~ 07 tháng ~~10~~ 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

Bảng 1: Mạng lưới bến xe khách

TT	Tên bến xe	Giai đoạn quy hoạch (loại bến)			Diện tích (m ²)	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
		2016-2020	2020-2025	2025-2035			
1	Bến xe phía Bắc TP Kon Tum		1	1	51.000	Xã Vinh Quang, TP Kon Tum	Xây dựng mới
2	Bến xe phía Nam TP Kon Tum		1	1	53.000	Phường Trần Hưng Đạo, TP Kon Tum	Xây dựng mới
3	Bến xe phía Đông TP Kon Tum		1	1	18.000	Xã Đăk Bla, TP Kon Tum	Xây dựng mới
4	Bến xe huyện Sa Thầy	4	4	3	5.000	Thị trấn Sa Thầy	Xây dựng mới
5	Bến xe huyện Ia H'Drai		4	4	3.000	Trung tâm huyện Ia H'Drai	Xây dựng mới
6	Bến xe huyện Ngọc Hồi	3	2	1	15.000	TT Plei Kân, Ngọc Hồi	Xây dựng mới
7	Bến xe huyện Đăk Hà	4	3	2	13.681	296 đường Hùng Vương - Thị trấn Đăk Hà -- huyện Đăk Hà -- Tỉnh Kon Tum	Nâng cấp, mở rộng
8	Bến xe huyện Đăk Tô	4	3	2	20.000	Thị trấn huyện Đăk Tô	Xây dựng mới
9	Bến xe huyện Đăk Glei	4	4	4	3.500	Thị trấn huyện Đăk Glei	Xây dựng mới
10	Bến xe huyện Kon Rẫy	4	3	2	11.176	Thị trấn huyện Kon Rẫy	Xây dựng mới
11	Bến xe huyện Kon Plong	4	3	2	17.800	Thôn Măng Đen (Km 118+800 QL24)	Xây dựng mới
12	Bến xe huyện Tu Mơ Rông	4	4	3	6.000	Thị trấn huyện Tu Mơ Rông	Xây dựng mới

Bảng 2: Mạng lưới bến xe hàng

TT	Tên bến xe	Giai đoạn quy hoạch	Diện tích (ha)	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
1	Bến xe hàng thành phố Kon Tum	2016-2025	3-4	Xã Đăk Bla, TP Kon Tum	Xây dựng mới
2	Bến xe hàng khu kinh tế CKQT Bờ Y	2016-2025	4-5	Khu kinh tế CKQT Bờ Y, huyện Ngọc Hồi	Xây dựng mới
3	Bến xe hàng huyện Ia H'Drai	2016-2025	4-5	Xã Ia Dại, huyện Ia H'Drai (gần cửa khẩu phụ Hồ Đá)	Xây dựng mới



Phụ lục 7: Quy hoạch bến bãi đỗ xe đường bộ

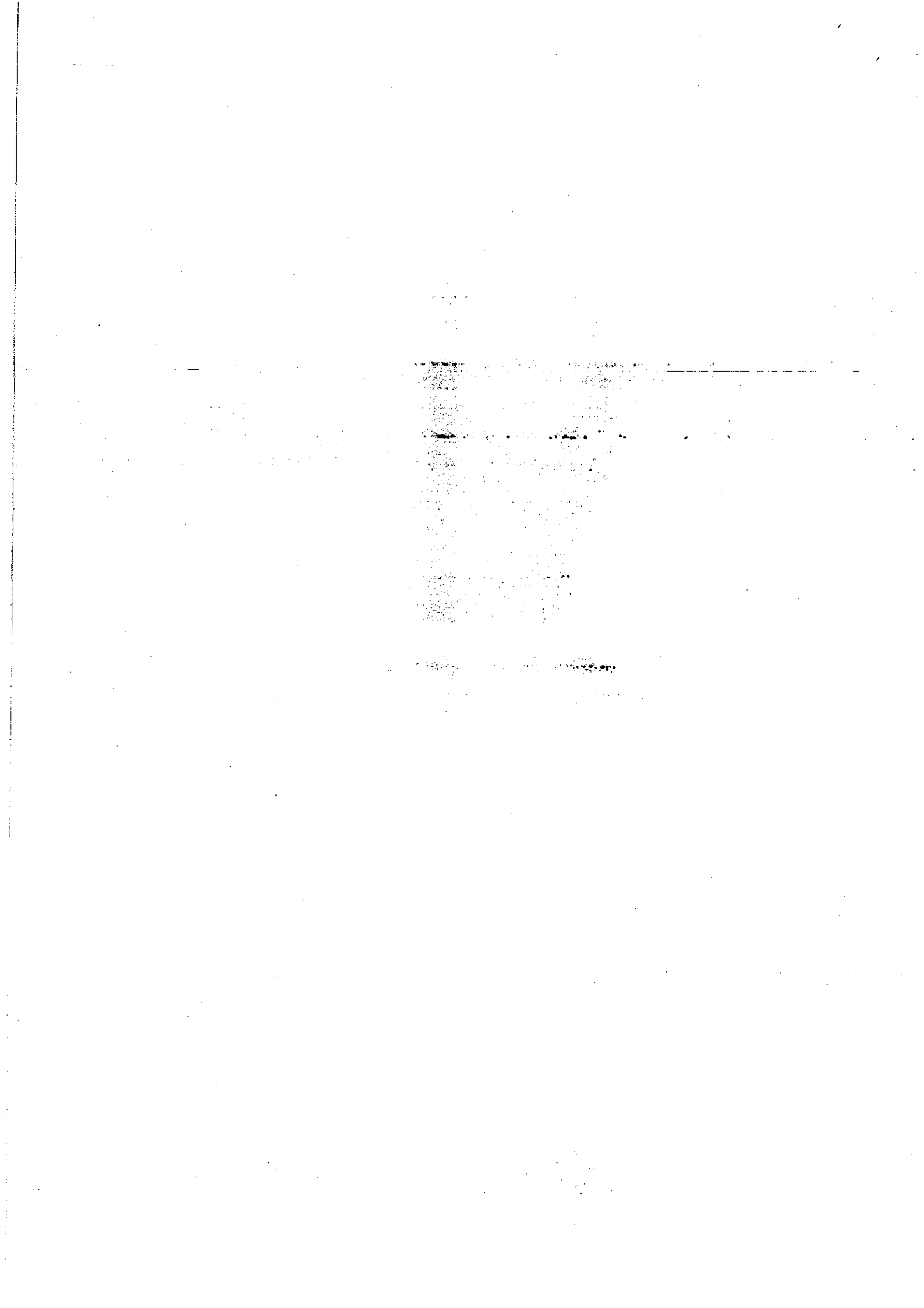
(Kèm theo Quyết định số 1176/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

Bảng 1: Mạng lưới bến xe khách

TT	Tên bến xe	Giai đoạn quy hoạch (loại bến)			Diện tích (m ²)	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
		2016-2020	2020-2025	2025-2035			
1	Bến xe phía Bắc TP Kon Tum		1	1	51.000	Xã Vinh Quang, TP Kon Tum	Xây dựng mới
2	Bến xe phía Nam TP Kon Tum		1	1	53.000	Phường Trần Hưng Đạo, TP Kon Tum	Xây dựng mới
3	Bến xe phía Đông TP Kon Tum		1	1	18.000	Xã Đăk Bla, TP Kon Tum	Xây dựng mới
4	Bến xe huyện Sa Thầy	4	4	3	5.000	Thị trấn Sa Thầy	Xây dựng mới
5	Bến xe huyện Ia H'Drai		4	4	3.000	Trung tâm huyện Ia H'Drai	Xây dựng mới
6	Bến xe huyện Ngọc Hồi	3	2	1	15.000	TT Plei Kăn, Ngọc Hồi	Xây dựng mới
7	Bến xe huyện Đăk Hà	4	3	2	13.681	296 đường Hùng Vương - Thị trấn Đăk Hà - huyện Đăk Hà - Tỉnh Kon Tum	Nâng cấp, mở rộng
8	Bến xe huyện Đăk Tô	4	3	2	20.000	Thị trấn huyện Đăk Tô	Xây dựng mới
9	Bến xe huyện Đăk Glei	4	4	4	3.500	Thị trấn huyện Đăk Glei	Xây dựng mới
10	Bến xe huyện Kon Rẫy	4	3	2	11.176	Thị trấn huyện Kon Rẫy	Xây dựng mới
11	Bến xe huyện Kon Plong	4	3	2	17.800	Thôn Măng Đen (Km 118+800 QL24)	Xây dựng mới
12	Bến xe huyện Tu Mơ Rông	4	4	3	6.000	Thị trấn huyện Tu Mơ Rông	Xây dựng mới

Bảng 2: Mạng lưới bến xe hàng

TT	Tên bến xe	Giai đoạn quy hoạch	Diện tích (ha)	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
1	Bến xe hàng thành phố Kon Tum	2016-2025	3-4	Xã Đăk Bla, TP Kon Tum	Xây dựng mới
2	Bến xe hàng khu kinh tế CKQT Bờ Y	2016-2025	4-5	Khu kinh tế CKQT Bờ Y, huyện Ngọc Hồi	Xây dựng mới
3	Bến xe hàng huyện Ia H'Drai	2016-2025	4-5	Xã Ia Dal, huyện Ia H'Drai (gần cửa khẩu phụ Hồ Đá)	Xây dựng mới



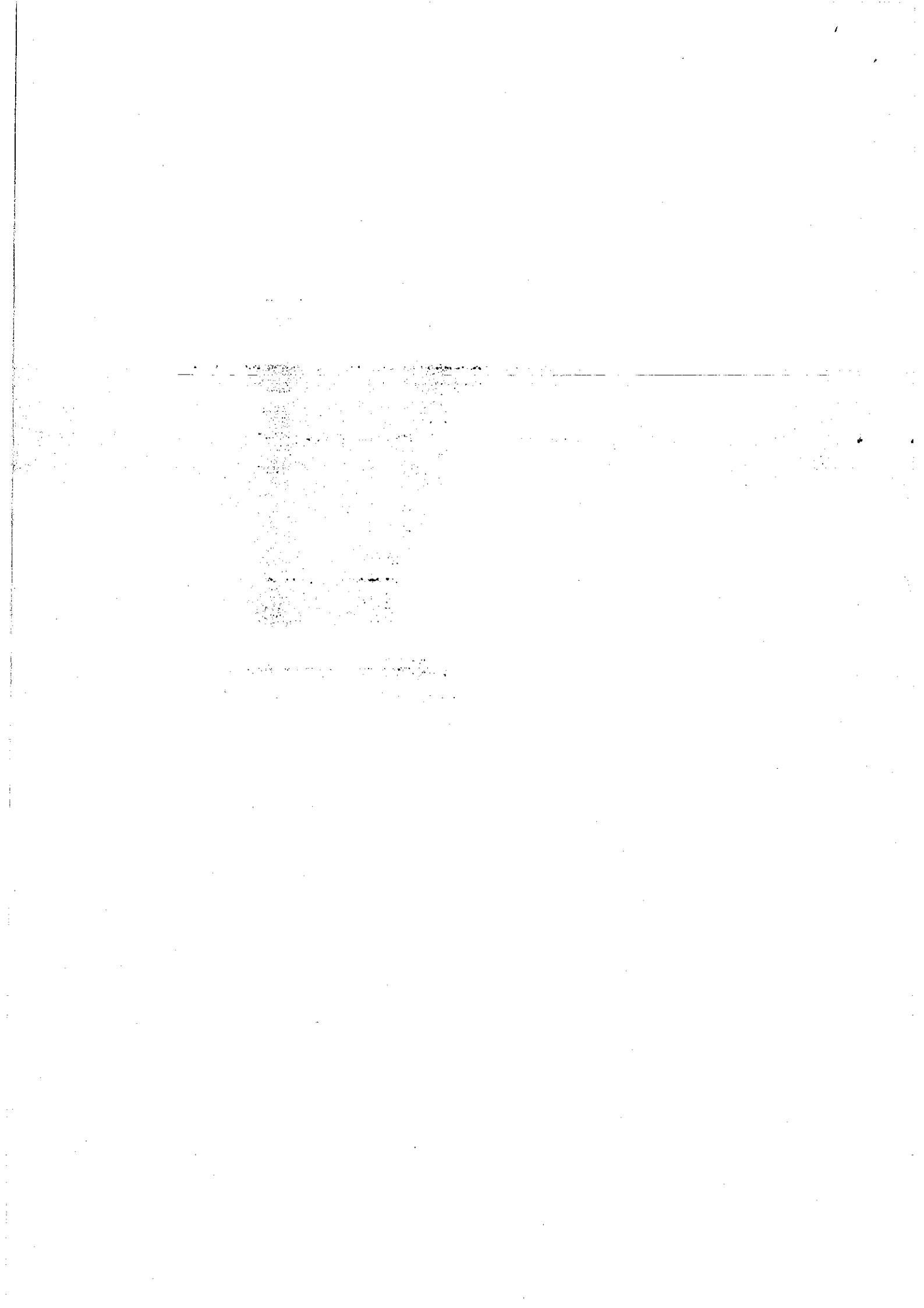
Phụ lục 8: Quy hoạch cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe
(Kèm theo Quyết định số 1176/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

Bảng 1: Mạng lưới cơ sở đào tạo

TT	Cơ sở đào tạo	Cơ quan quản lý	Ghi chú
1	Trường Trung cấp nghề Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Duy trì
2	Trung tâm dạy nghề huyện Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	Duy trì
3	Trung tâm dạy nghề huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	Duy trì
4	Trung tâm đào tạo Công nhân kỹ thuật vận tải	Công ty cổ phần vận tải ô tô Kon-Tum	Duy trì
5	Trung tâm đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe Kô Ru Cô	Công ty cổ phần du lịch thương mại khách sạn Hưng Yên	Duy trì
6	Trung tâm đào tạo lái xe huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	Mở mới
7	Trung tâm đào tạo lái xe huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Mở mới
8	Trung tâm đào tạo lái xe huyện Kon Plông	UBND huyện Kon Plông	Mở mới
9	Trung tâm đào tạo lái xe huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	Mở mới
10	Trung tâm đào tạo lái xe huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Mở mới
11	Trung tâm đào tạo lái xe huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	Mở mới
12	Trung tâm đào tạo lái xe huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	Mở mới

Bảng 2: Trung tâm sát hạch lái xe

TT	Cơ sở đào tạo	Cơ quan quản lý	Ghi chú
1	Trung tâm đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe Kô Ru Cô	Công ty cổ phần du lịch thương mại khách sạn Hưng Yên	Duy trì
2	Trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	Mở mới



Phụ lục 9: Quy hoạch mạng lưới bến thủy nội địa

(Kèm theo Quyết định số 1176/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên bến	Vị trí bến	Loại bến	Chức năng	Đường giao thông kết nối
1	Plei Weh	Hồ Yaly, thôn PleiWeh, xã Ia Chim, TP.Kon Tum	Bến loại 2	Bến du lịch	ĐT 671
2	Làng Chờ	Hồ Yaly, Làng Chờ, xã Yaly, Sa Thầy	Bến loại 2	Bến thủy nội địa +Du lịch	ĐH 14
3	Kon Gung	Lòng hồ Pleikrong, xã Đăk mar, huyện Đăk Hà	Bến loại 2	Bến ngang sông+Du lịch	Đường nông trường caphe Đăk uy
4	Đăk Bla	Đông cầu ĐăkBla, TP Kon Tum	Bến loại 2 (xây dựng mới)	Bến thủy nội địa +Du lịch	Đường nội thị TP Kon Tum
5	Đăk Rơ Wa	Khu du lịch sinh thái xã Đăk Rơ Wa, TP Kon Tum	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến thủy nội địa +Du lịch	ĐH 02+ Đường thôn
6	Bến Kon KTU	Thôn Kon KTU, Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum	Bến loại 1	Bến ngang sông+Du lịch	ĐH 02+ Đường thôn
7	Làng Chừ	Hồ Yaly, Làng Chừ, xã Yaly, Sa Thầy	Bến loại 1	Bến TND	ĐH 14
8	Làng Tum	Hồ Yaly, Làng Tum, xã Yaly, Sa Thầy	Bến loại 1	Bến ngang sông	ĐH 14
9	Làng Lút	Hồ Yaly, Làng Lút, xã Ya Tăng, Sa Thầy	Bến loại 1	Bến ngang sông	ĐT 680A (ĐH 15 cũ)
10	Làng Lóc	Hồ Yaly, Làng Lóc, xã Ya Tăng, Sa Thầy	Bến loại 1	Bến ngang sông	ĐT 680A (ĐH 15 cũ)
11	Làng Tráp	Hồ Yaly, Làng Tráp, xã Ya Tăng, Sa Thầy	Bến loại 1	Bến ngang sông	ĐT 680A (ĐH 15 cũ)
12	Làng Chờ	Hồ Yaly, Làng Chờ, xã Yaly, Sa Thầy	Bến loại 1	Bến thủy nội địa	ĐT 671C
13	Làng Chờ	Hồ Yaly, Làng Chờ, xã Yaly, Sa Thầy	Bến loại 1	Bến thủy nội địa	ĐT 671C
14	Tổ 1, Phường Lê Lợi	Sông Đăkbla, Phường Lê Lợi, TP Kon Tum	Bến loại 1	Bến thủy nội địa	Đường nội thị TP Kon Tum
15	Sơ Lam I	Sông Đăkbla, thôn Sơ Lam I, P.Trường Chinh, TP.Kon Tum	Bến loại 1	Bến thủy nội địa	Đường thôn Sơ Lam I, P.Trường Chinh, TP.Kon Tum
16	Kon Klor	Sông Đăkbla, Thôn Kon Klor, P. Thắng Lợi, TP.Kon Tum	Bến loại 1	Bến thủy nội địa	Đường thôn Kon Klor P. Thắng Lợi, TP.Kon Tum

TT	Tên bến	Vị trí bến	Loại bến	Chức năng	Đường giao thông kết nối
17	Kon Hra Chốt	Sông Đăkbla, thôn Kon Hra Chốt, P. Thống Nhất, TP Kon Tum	Bến loại 1	Bến thủy nội địa	Đường thôn Kon Hra Chốt
18	Plei Drop	Sông Đăkbla, Thôn Plei Drop, xã Đăk Năng, TP.Kon Tum	Bến loại 1	Bến ngang sông	Đường thôn Plei Drop xã Đăk Năng, TP.Kon Tum
19	Thôn Kon Rờ Bàng 2	Sông Đăkbla, Thôn Kon Rờ Bàng 2, Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum	Bến loại 1	Bến ngang sông	Đường thôn Kon Rờ Bàng 2 Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum
20	Thôn Phương Quý I	Thôn Phương Quý I, Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum	Bến loại 1	Bến ngang sông	Đường thôn Phương Quý I Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum
21	Bến Xô Thác	Thôn Xô Thác, xã Đăk Nền, huyện Kon Plông	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến khách ngang sông	ĐT 676
22	Bến Đăk Tiêu	Thôn Đăk Tiêu, xã Đăk Nền, huyện Kon Plông	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến khách ngang sông	ĐT 676
23	Bến Vi Xây	xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến thủy nội địa	ĐT 676 + ĐH35
24	Bến Đăk Tăng	xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến thủy nội địa	ĐT 676 + ĐH35
25	Bến Nông trường 4 Duy Tân	Thôn 9, xã Ia Toi, huyện Sa Thầy	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến thủy nội địa	Sê San – QL14C
26	Bến Nông trường 5 Duy Tân	Thôn 9, xã Ia Toi, huyện Sa Thầy	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến thủy nội địa	Sê San – QL14C
27	Bến Đăk Vơ Zốp	Lòng hồ thủy điện Plei Krong, thôn Đăk Vơ Zốp, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến khách ngang sông	
28	Bến Quyết Thắng	Lòng hồ thủy điện Plei Krong, thôn Quyết Thắng, xã Hà Môn, huyện Đăk Hà	Bến loại 1 (xây dựng mới)	Bến khách ngang sông	

Phụ lục 10: Danh mục dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 1176/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Dự án	Hạng mục dự án		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
		Xây dựng mới	Nâng cấp, mở rộng	
I	Dự án cần kêu gọi các nhà đầu tư theo hình thức PPP			
1	Cao tốc Bờ Y – Ngọc Hồi – Plei Ku	Xây dựng mới 111Km		13.235
2	Bến xe phía Đông TP Kon Tum	Xây dựng mới 18.000m ²		20
3	Trung tâm Đăng kiểm TP Kon Tum	Xây dựng mới		15
II	Dự án Trung ương đầu tư			
1	Tuyến tránh đường Hồ Chí Minh	23 km cấp tiêu chuẩn cấp III-IV		6.600
2	QL40		6,575km (Km 13+900 - CK Đák Kôi) đầu tư mới cấp III-miền núi	190
3	QL40B		- 3,7 km đoạn tuyến nối từ ĐH.53 tới đường NT18 (khu kinh tế Bờ Y) đạt cấp IV miền núi - 61,67 km hiện trạng lên cấp IV miền núi - 14,5 km ĐH.53 lên cấp IV miền núi. - 11,344 km NT18 lên cấp III miền núi.	1.352
4	QL24D		65 km toàn tuyến đạt cấp IV miền núi	839
5	QL14C		106,8km toàn tuyến đạt cấp IV miền núi	471

TT	Dự án	Hạng mục dự án		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
		Xây dựng mới	Nâng cấp, mở rộng	
6	QL24	2,3km từ cầu Chà Môn (km164+730) đến UBND xã Đắk Cấm đạt cấp IV miền núi	57,11km từ UBND xã Đắk Cấm đến giao với QL14C, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi	765
7	QL24E (đường tỉnh 675A theo QH cũ)	70 km đoạn tuyến từ nhà máy thủy điện Sê San 3A qua giao với QL14C đến cửa khẩu phụ Hồ Đá đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi	37,1 km đoạn tuyến từ thị trấn Sa Thầy đến nhà máy thủy điện Sê San 3A đạt cấp V miền núi,	1.043
2	QL18B thuộc tỉnh Attapur, Lào		70 km đoạn từ Km70 – Km140 theo tiêu chuẩn đường cấp III Asean	1.820
III Dự án tỉnh đầu tư				
Đường tỉnh				
1	DT.671 (đoạn 1)		34,6km từ thị trấn Đắk Hà đến UBND xã Đắk Cấm đạt cấp IV miền núi	264
2	DT.671 (đoạn 2)		9,3km từ cầu treo Kon Klor đến giao đường HCM đạt cấp IV miền núi	234
3	DT.671 (đoạn 3)		11,5km từ phường Lê Lợi đến làng Pley Wel đạt cấp IV miền núi	383
4	DT.672	47,66km các đoạn tuyến còn lại đạt cấp IV miền núi	25,24km hiện trạng đạt cấp IV	816
5	DT.673		39,85km toàn tuyến đạt cấp IV miền núi	454
6	DT.677A	16 km toàn tuyến từ tại thôn 10, xã Đắk Psi (huyện Đắk Hà) đến xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ		224

TT	Dự án	Hạng mục dự án		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
		Xây dựng mới	Nâng cấp, mở rộng	
		Rộng đạt cấp V miền núi		
7	ĐT.678	27,6km các đoạn tuyến từ xã Đăk Na đến giao với ĐH.15 cũ và đoạn tuyến từ điểm cuối của ĐH.15 cũ đến cửa khẩu phụ Đăk Long đạt cấp IV miền núi	45,8km các đoạn tuyến còn lại đạt cấp IV miền núi	323
8	ĐT.680	55km đoạn tuyến từ xã Ngọc Réo, huyện Đăk Hà (giao với ĐT.671A) đến đường Đông Trường Sơn (xã Măng Cánh, huyện KonPlong) đạt cấp IV miền núi		1.396
Đường huyện				
1	ĐH 05	21km, trục chính đô thị (đường vành đai phía Tây)		193,2
2	ĐH 08	10km, từ giao với ĐT671 tại làng Plei Lay xã Ia Chim tới giao QL24 mới (km11+450 ĐT675 cũ)		92
3	ĐH 18B	32km, xây dựng mới từ giao với ĐT 675A tới giao với QL 14C		294,4
4	ĐH 10A	43,9 km, xây dựng mới từ giao với QL 14C tại Km62 đến giao với đường tuần tra biên giới tại cầu Trường Thành		403,9
5	ĐH 10B	7,9 km, xây dựng mới từ giao với QH thuộc trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai tới đường tuần tra biên giới		72,7
6	ĐH 10C	11,6km, xây dựng mới từ Trung tâm hành chính huyện tới giao với ĐT.675A tại km 58+800		106,7
7	ĐH 49	13km, xây dựng mới từ giao với đường HCM tại xã Đăk La, huyện Đăk Hà tới ranh giới giữa		119,6

TT	Dự án	Hạng mục dự án		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
		Xây dựng mới	Nâng cấp, mở rộng	
8	DH 25A	9 km, xây dựng mới từ Km 153+100 QL24 đến ranh giới giữa huyện Kon Rẫy và Huyện Đắk Hà, tiếp nối DH 49 huyện Đắk Hà		82,8
Bến xe khách				
1	Bến xe huyện Sa Thầy	Xây dựng mới bến xe huyện Sa Thầy tại thị trấn Sa Thầy với quy mô 5.000 m ²		15
2	Bến xe huyện Ngọc Hồi	Xây dựng mới bến xe huyện Ngọc Hồi tại thị trấn Plei Kần với quy mô 15.000 m ²		21
3	Bến xe huyện Ia H'Drai	Xây dựng mới bến xe tại thị trấn Ia H'Drai với quy mô 3.000 m ²		10
4	Bến xe huyện Đắk Tô	Xây dựng mới bến xe huyện Đắk Tô với quy mô 20.000 m ²		25
5	Bến xe huyện Đắk Glei	Xây dựng mới bến xe huyện Đắk Glei với quy mô 3.500 m ²		11
6	Bến xe huyện Kon Rẫy	Xây dựng mới bến xe huyện Kon Rẫy với quy mô 11.176 m ²		15
7	Bến xe huyện Kon Plong	Xây dựng mới bến xe huyện Kon Plong với quy mô 17.800 m ²		15
8	Bến xe huyện Tu Mơ Rông	Xây dựng mới bến xe huyện Tu Mơ Rông với quy mô 6.000 m ²		10
Bến xe hàng				
1	Bến xe hàng tại Tp Kon Tum	Xây dựng mới tại thôn Kon Gư, xã Đắk B'la, TP Kon Tum (gần khu vực giao QL24-đường tránh đường Hồ Chí Minh qua TP Kon Tum),		5

TT	Dự án	Hạng mục dự án		Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
		Xây dựng mới	Nâng cấp, mở rộng	
		quy mô 3-4 ha		
Bến thủy nội địa				
1	Bến Xô Thác	Xây dựng mới tại thôn Xô Thác, xã Đắk Nền, huyện Kon Plông		0,75
2	Bến Đắk Tiều	Xây dựng mới tại thôn Đắk Tiều, xã Đắk Nền, huyện Kon Plông		0,75
3	Bến Vi Xây	Xây dựng mới tại xã Đắk Tăng, huyện KonPlông		0,75
4	Bến Đắk Tăng	Xây dựng mới tại xã Đắk Tăng, huyện KonPlông		0,75
5	Bến Nông trường 4 Duy Tân	Xây dựng mới tại thôn 9, xã Ia Tời, huyện Sa Thầy		0,75
6	Bến Nông trường 5 Duy Tân	Xây dựng mới tại thôn 9, xã Ia Tời, huyện Sa Thầy		0,75

